



# 2020 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# **MỤC LỤC**

**02 TỔNG QUAN CÔNG TY**

**09 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020**

**23 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**27 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**30 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**34 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

---

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

##### 1.1. Thông tin công ty

|                                      |                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Công ty                          | Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                                                                                                                                   |
| Tên Tiếng Anh                        | Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company                                                                                                                                           |
| Tên viết tắt                         | Vitranschart JSC                                                                                                                                                                                    |
| Mã cổ phiếu                          | VST                                                                                                                                                                                                 |
| Vốn điều lệ                          | 629.993.370.000 VND                                                                                                                                                                                 |
| Trụ sở chính                         | 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM                                                                                                                                                     |
| Điện thoại                           | (028) 3940 4271                                                                                                                                                                                     |
| Fax                                  | (028) 3940 4711                                                                                                                                                                                     |
| Website                              | <a href="http://www.vitranschart.com.vn">www.vitranschart.com.vn</a>                                                                                                                                |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 01 năm 2021 với mã doanh nghiệp là 0300448709 |
| Logo                                 |                                                                                                                 |

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

| Giai đoạn        | Quá trình hình thành và phát triển                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1975</b>      | Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải                                                                                                                                                  |
| <b>1976</b>      | Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.                                                                                    |
| <b>1984</b>      | Công ty Vận tải và Thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải. |
| <b>1993</b>      | Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart)       |
| <b>2007</b>      | Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập – Tên viết tắt là Vitranschart JSC                                                                                                                                                                |
| <b>2009</b>      | Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.                    |
| <b>2010</b>      | Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.                                                                                                                                    |
| <b>2015</b>      | Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.                                                                                                                                               |
| <b>2018</b>      | Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng.                                                                                                                                                                                         |
| <b>2020</b>      | Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng.                                                                                                                                                                                         |
| <b>2020- Nay</b> | Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.                                                                                                                             |

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chi tiết của công ty như sau:

- **Vận tải biển:** Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực gồm đội tàu có 07 chiếc, trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT với tổng trọng tải 144.890 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế.
- **Đào tạo và cung ứng, xuất khẩu thuyền viên:** Tuyển dụng, đào tạo, môi giới và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v...)

## 2.2. Địa bàn kinh doanh

| Địa bàn                                      | Tỷ trọng (%)<br>2019 | Tỷ trọng (%)<br>2020 |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á | 37%                  | 39%                  |
| Khu vực Đông Nam Á                           | 22%                  | 23%                  |
| Khu vực Bắc Á - Đông Bắc Á                   | 12%                  | 6%                   |
| Khu vực Đông Bắc Á                           | 6%                   | 9%                   |
| Khu vực Đông Bắc Á - Nam Á                   | 10%                  | 9%                   |
| Khu vực Đông Nam Á - Nam Á                   | 3%                   | 3%                   |
| Khu vực khác                                 | 10%                  | 11%                  |
| Tổng cộng                                    | 100%                 | 100%                 |

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 3.1. Mô hình quản trị

**Vitranschart JSC là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)**  
**Số lượng cổ phần VIMC nắm giữ:** 29.888.000 cổ phần, chiếm 47,44% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

**Trụ sở chính của VIMC:** Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội

**Hoạt động kinh doanh chính của VIMC:**

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông, kinh doanh kho, bãi, dịch vụ logistic;
- Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.

**Công ty con**

**Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)**

**Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

**Trụ sở chính:** Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**Hoạt động kinh doanh:**

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

**Công ty liên kết**

**Công ty CP Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)**

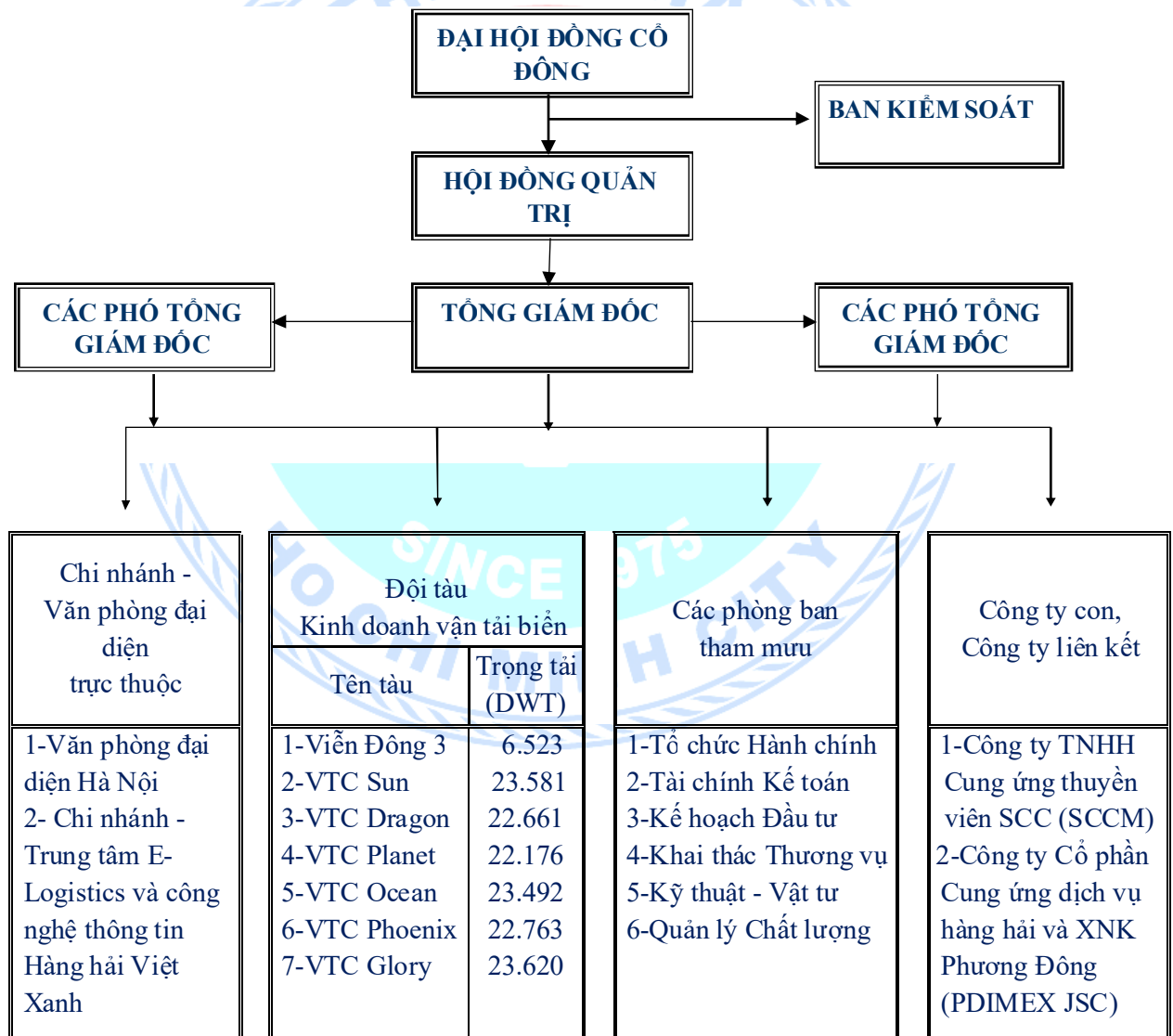
**Vốn điều lệ:** 18.540.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 26,46%

**Trụ sở chính:** 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



**Hoạt động kinh doanh chính:**

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xi cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...;
- Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng. Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh;
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỗ gỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.

**3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

#### 4. Định hướng phát triển

##### Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

✚ **Phương án kinh doanh:** Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

##### ✚ **Kế hoạch tài chính:**

- Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
- Trình VIMC tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc đối với các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).

##### ✚ **Phát triển nguồn nhân lực:**

- Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
- Vận hành Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator – KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard – BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.
- Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người lao động.
- Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

##### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

- ✚ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- ✚ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✚ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công

ty, duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

## **5. Các yếu tố rủi ro**

### **5.1. Rủi ro kinh tế và chính trị**

Trong năm 2020, hàng loạt các sự kiện kinh tế, chính trị đã diễn ra như đại dịch Covid 19 bùng phát; Các cường quốc tiếp tục cạnh tranh gay gắt như quan hệ giữa Washington và Bắc Kinh ngày càng rơi vào vòng bế tắc, không chỉ vì bất đồng trong vấn đề thương mại, mà còn lan sang một loạt vấn đề khác như cách Trung Quốc ứng phó với Covid-19, vấn đề Hong Kong, Biển Đông...; Thêm hàng loạt cuộc xung đột khắp thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp như bùng phát chiến sự ở Nagorno – Karabakh, quan hệ Mỹ – Iran sát bờ vực xung đột, mâu thuẫn giữa biên giới Trung – Ấn leo thang, mâu thuẫn ở Trung Đông tiếp tục diễn biến căng thẳng... Các yếu tố này đã đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái lớn nhất kể từ cuộc đại suy thoái giai đoạn 1929-1933.

Theo đó, ngành vận tải biển là ngành chịu nhiều tác động từ nền kinh tế toàn cầu, đã khó lại càng thêm khó. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trước khi có dịch Covid-19, lĩnh vực vận tải biển đã hết sức khó khăn thì nay ngành vận tải biển lại càng bị tác động xấu và điều đứng thêm.

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát, Công ty luôn theo dõi sát tình hình dịch bệnh trong nước và trên thế giới, đặt biệt lưu ý tình hình các cảng, các khu vực mà đội tàu công ty đang khai thác hoặc dự kiến hoạt động, chủ động liên hệ các đại lý và các cơ quan hữu quan để nắm tình hình v.v. để từ đó có thể đánh giá rủi ro và chủ động ứng phó.

### **5.2. Rủi ro pháp luật**

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Hàng Hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó Công ty còn chịu ảnh hưởng của các Bộ luật, các công ước và thông lệ Quốc tế về hàng hải rất khắt khe.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) khi liên tục ban hành các luật, các công ước ngày càng siết chặt tác động lên môi trường biển và không khí, an ninh hàng hải.

Các rủi ro về mặt pháp lý do một số ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ theo quy định.

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp hướng đến tuân thủ các quy định mới, không để xảy ra các rủi ro từ việc không tuân thủ.



**5.3. Rủi ro hàng hải**

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần, ... Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị trên ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển....

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất, đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.

**5.4. Rủi ro nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, theo đó việc Công ty tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút lớp kế thừa tương lai.

**5.5. Rủi ro khác**

Các công ty vận tải biển thường có giá trị tài sản dài hạn và nợ vay lớn (khoảng 80% tổng tài sản và nguồn vốn), do đó lãi suất hay tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Kết thúc năm 2020, tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ở mức 23.215 đồng/USD, không biến động nhiều so với tỷ giá hồi đầu năm 2020: 23.230 đồng/USD

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán .... nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### Khó khăn

- Đội tàu công ty có tuổi tàu cao (tuổi tàu bình quân 19,3 tuổi, trong đó có tàu VTC Planet đã 27 tuổi), tình trạng kỹ thuật theo đó cũng xuống cấp nhiều nên phải chịu sự kiểm tra gắt gao của cơ quan Đăng kiểm đối với các tàu trên 15 tuổi đặc biệt là tàu hàng rời và phải đáp ứng yêu cầu tuân thủ các quy định của IMO về bảo vệ môi trường biển như lắp đặt hệ thống quản lý nước dẫn.

- Đa số các tàu cho thuê định hạn chạy tuyến ngắn, cường độ khai thác cao, thời gian bảo quản ít nên việc duy trì tình trạng kỹ thuật máy móc, thiết bị cần phải được nâng cấp thường xuyên nhưng khả năng tài chính rất hạn hẹp. Một số đối tác tham gia sửa chữa đầu bến từ chối cung cấp dịch vụ vì nợ tồn đọng dẫn đến khó khăn trong lựa chọn nhà thầu.

- Khó khăn do khan hiếm nguồn nhân lực (cả khối văn phòng và thuyền viên), đặc biệt là thiếu hụt thuyền viên có kinh nghiệm và chuyên môn cao.

- Khó khăn không thể thuê tàu ngoài để kinh doanh: Ngoài khó khăn về nguồn hàng ổn định, dòng tiền của công ty cũng rất hạn hẹp. Công ty phải ưu tiên chi trả các khoản nợ lớn của các nhà cung cấp tránh rủi ro cho đội tàu, chi trả nợ và lãi từ nhiều năm trước đây của BHXH và người lao động, chi trả theo các cam kết trong lịch tái cơ cấu nợ mới đạt được trong năm với các ngân hàng và tổ chức tín dụng, trả nợ thiện chí các ngân hàng còn lại (chưa tái cơ cấu nợ) ... Do vậy, hiện không thể thuê thêm tàu ngoài để khai thác với dòng tiền quá yếu, chi phí khai thác sẽ cao, không kinh tế và rủi ro cao nếu tàu thuê vào cũng bị lỗ.

- Do Công ty không trả được nợ vay mua/ đóng tàu cho các Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký và cũng không tái ký được lịch trả nợ mới do thiếu cơ chế chính sách từ Chính phủ dẫn đến việc một số Ngân hàng khiếu kiện, yêu cầu Công ty phải bán thanh lý tàu để trả nợ, việc này làm hạn chế vùng hoạt động của tàu, dẫn đến bị ép giá cước cho thuê tàu, khiến cho hiệu quả khai thác giảm sút.

- Đặc biệt khó khăn do đại dịch Covid-19 toàn cầu diễn ra trong năm 2020 và kéo dài đến hết năm 2021, thậm chí sang năm 2022. Theo đó, nhu cầu vận chuyển hàng khô rời giảm sút, thị trường bị thu hẹp do bởi nhiều cảng và nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng nghiêm ngặt biện pháp cách ly hoặc phong tỏa xã hội, chi phí khai thác tăng cao do phát sinh các khoản chi liên quan dịch Covid-19 (gồm trang thiết bị phòng dịch, xét nghiệm, chi phí cách ly của thuyền viên.....), các khoản chi phí này ngoài khả năng kiểm soát do bởi hoàn toàn phụ thuộc ý chí chủ quan của chính quyền cảng/của nước sở tại, ....

### Thuận lợi

- Công ty hoạt động lâu năm và có thương hiệu uy tín trên thị trường.
- Duy trì được đội ngũ nhân lực chủ chốt có kinh nghiệm, am hiểu các thị trường.

**Tình hình sản xuất kinh doanh**

- Hiện Công ty đã khai thác tối đa các nguồn lực tự có với đội tàu hàng khô gồm 7 chiếc, tổng trọng tải xấp xỉ 145 nghìn DWT, tuổi tàu bình quân 19,3 tuổi, trong đó có tàu VTC Planet đã 27 tuổi, khó khai thác do tàu cũ, già, cộng với gánh nặng chi phí (khấu hao, phí bảo hiểm, ... cao). Công ty nỗ lực giảm lỗ ở lĩnh vực kinh doanh chính bằng cách cắt giảm tối đa mọi chi phí, phát triển kinh doanh dịch vụ Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải nhằm góp phần giảm lỗ cho công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                 | TH 2019   | TH 2020   | % Tăng/giảm |
|------------------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp DV        | 479,622   | 421,164   | 88%         |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | (36,145)  | (114,356) | 316%        |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh  | (144,394) | (202,787) | 140%        |
| Lợi nhuận khác                           | (127,867) | (100,113) | 78%         |
| Lợi nhuận trước thuế                     | (272,261) | (302,900) | 111%        |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (272,404) | (305,643) | 112%        |

**1. Tổ chức và nhân sự****a. Danh sách Hội đồng quản trị**

| Stt | Họ và tên         | Chức vụ           | Số lượng cổ phần nắm giữ                | Tỷ lệ sở hữu cổ phần          |
|-----|-------------------|-------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Huỳnh Nam Anh     | Chủ tịch HĐQT     | Đại diện: 11.588.198<br>Cá nhân: 96.962 | Chiếm 18,394%<br>Chiếm 0,154% |
| 2   | Phạm Thị Cẩm Hà   | Phó Chủ tịch HĐQT | 117.248                                 | Chiếm 0,186%                  |
| 3   | Trịnh Hữu Lương   | Thành viên HĐQT   | Đại diện: 9.149.901                     | Chiếm 14,524%                 |
| 4   | Nguyễn Minh Cường | Thành viên HĐQT   | 0                                       | 0%                            |
| 5   | Mai Thị Thu Vân   | Thành viên HĐQT   | 8.002                                   | Chiếm 0,013%                  |

**Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị****➤ Huỳnh Nam Anh**

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 15/04/1966
- Địa chỉ thường trú: 7A Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ - Khoa học quản lý vận tải biển.

**Quá trình công tác**

| Năm                                                                       | Quá trình công tác                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1991 - 1995</b>                                                        | Thủy thủ tàu biển Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                              |
| <b>1995 – 2009</b><br>(Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam) | Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư                                                                        |
|                                                                           | Chuyên viên Ban Tư vấn                                                                                   |
|                                                                           | Chuyên viên Phòng Tổng hợp                                                                               |
|                                                                           | Trưởng ban Nghiên cứu Dự án                                                                              |
|                                                                           | Trưởng Phòng Kế Hoạch Đầu Tư                                                                             |
|                                                                           | Trưởng Phòng Đầu Tư Phát Triển                                                                           |
| <b>04/2009 – 06/2017</b>                                                  | Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam |
| <b>06/2017 đến nay</b>                                                    | Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam                          |

**➤ Phạm Thị Cẩm Hà**

- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 06/08/1965
- Địa chỉ thường trú: 42/31 Nguyễn Huệ, p. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư – Kinh tế vận tải biển.

**Quá trình công tác**

| Năm                      | Quá trình công tác                                                                       |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>07/1987 – 05/1997</b> | Nhân viên Phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam    |
| <b>05/1997 – 10/1998</b> | Phó Trưởng phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam   |
| <b>11/1998 – 05/2011</b> | Trưởng phòng khai thác Thương vụ Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam       |
| <b>05/2011 - 08/2015</b> | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam |
| <b>09/2015 – 8/2020</b>  | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam     |
| <b>9/2020 - nay</b>      | Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam                      |

**➤ Trịnh Hữu Lương**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 16/07/1977
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6A Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Thạc sỹ kế toán

**Quá trình công tác**

| <b>Năm</b>              | <b>Quá trình công tác</b>                                                                                                                         |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2000 – 8/2006</b>    | Chuyên viên phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc                                                                                                   |
| <b>9/2006 – 7/2007</b>  | Phó phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc                                                                                                           |
| <b>8/2007 – 11/2011</b> | Ủy viên HĐQT thường trực kiêm Phụ trách tài chính Công ty Vận tải Biển Bắc                                                                        |
| <b>12/2011 – 8/2012</b> | Trưởng Phòng thư ký tổng hợp-Thư ký Tổng giám đốc Tổng Công Hàng hải Việt Nam (HHVN)                                                              |
| <b>8/2012 – 2/2013</b>  | Phó trưởng ban tài chính kiêm trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công HHVN                                                                                 |
| <b>2/2013 – 1/2014</b>  | Phó trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN                                                                                                    |
| <b>02/2014 – 6/2014</b> | Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN                                                                                                        |
| <b>7/2014 – 1/2015</b>  | Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng                                                               |
| <b>2/2015 – 5/2015</b>  | Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Bắc                    |
| <b>5/2015 – 4/2016</b>  | Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc |
| <b>5/2016 – 5/2020</b>  | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (được đổi tên từ Công ty CP Vận tải Biển Bắc)                  |
| <b>6/2020 – 8/2020</b>  | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam                     |
| <b>9/2020 - nay</b>     | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam  |

➤ **Nguyễn Minh Cường**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 27/09/1974
- Địa chỉ thường trú: 60 Vân Côi, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ



**Quá trình công tác**

| Năm          | Quá trình công tác                                                             |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 2008 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam |

➤ **Mai Thị Thu Vân**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Năm sinh: 18/10/1974
- Địa chỉ thường trú: 564 Hưng Phú, Phường 9, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn

**Quá trình công tác**

| Năm             | Quá trình công tác                                                                                                        |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1998 - 1/2008   | Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007) |
| 1/2008 - 4/2012 | Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                                   |
| 4/2012 - 8/2018 | Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.                                                         |
| 8/2018 - 7/2019 | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.                                    |
| 7/2019 đến nay  | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.                                           |

**b. Danh sách Ban kiểm soát**

| Stt | Họ và tên              | Chức vụ                  | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| 1   | Lã Thị Liên Hương      | Trưởng Ban kiểm soát     | 0                        | 0%                   |
| 2   | Hoàng Thị Thanh Phương | Thành viên Ban kiểm soát | 0                        | 0%                   |
| 3   | Nguyễn Thị Băng Tâm    | Thành viên Ban kiểm soát | 10.620                   | Chiếm 0,017%         |

**Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát**➤ **Lã Thị Liên Hương**

- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Năm sinh: 26/04/1978
- Địa chỉ thường trú: P1604, CT1 Văn Khê – La Khê – Hà Đông – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác**

| Năm                      | Quá trình công tác                                                |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>2000 – 2004</b>       | Nhân viên kế toán bán hàng - Công ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm |
| <b>2005 – 09/2009</b>    | Cửa hàng trưởng - Công ty TNHH Thương mại Đồng Tâm - CN Hà Nội    |
| <b>11/2009 – 01/2016</b> | Cán bộ Ban KTNB – Tổng Công ty HHVN                               |
| <b>01/2016 đến nay</b>   | Cán Bộ Ban TCKT                                                   |

**➤ Hoàng Thị Thanh Phương**

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 1957
- Địa chỉ thường trú: NN7, Đường Bạch Mã, cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

| Năm                    | Quá trình công tác                                               |
|------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>04/2013 đến nay</b> | Thành viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam |

**➤ Nguyễn Thị Băng Tâm**

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Năm sinh: 15/02/1961
- Địa chỉ thường trú: 12/4D Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, chuyên ngành Kinh tế vận tải biển/ Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Chứng chỉ Kế toán trưởng.

**Quá trình công tác**

| Năm                | Quá trình công tác                                               |
|--------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>1984 – 2016</b> | Làm việc tại Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam   |
| <b>2013 – nay</b>  | Thành viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam |

**c. Danh sách Ban điều hành**

| Stt      | Họ và tên                | Chức vụ           | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|----------|--------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------|
| <b>1</b> | Trịnh Hữu Lương          | Tổng Giám đốc     | Đại diện: 9.149.901      | Chiếm 14,524%        |
| <b>3</b> | Mai Thị Thu Vân          | Phó Tổng Giám đốc | 8.002                    | Chiếm 0,013%         |
| <b>3</b> | Tạ Văn Thắng             | Phó Tổng Giám đốc | 7                        | Chiếm 0,00001%       |
| <b>4</b> | Vương Nguyễn Triều Quang | Phó Tổng Giám đốc | 0                        | 0%                   |
| <b>5</b> | Lê Kim Phượng            | Kế toán trưởng    | 6.108                    | Chiếm 0,009%         |

Sơ yếu lý lịch của ông Trịnh Hữu Lương, bà Mai Thị Thu Vân vui lòng xem ở Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.

➤ **Tạ Văn Thắng**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1974
- Địa chỉ thường trú: 153 Đinh Bộ Lĩnh, P26, Q Bình Thạnh, TP HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

| Năm            | Quá trình công tác                                                                              |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/1996-3/1998 | Nhân viên đại lý tàu biển, Phòng Khai thác Thương Vụ, Công ty Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam |
| 8/2008 -4/2009 | Chuyên viên phòng Khai Thác Thương Vụ Công ty Vận tải và Thuê tàu Biển Việt Nam                 |
| 8/2008 -4/2009 | Phó trưởng phòng Khai Thác Thương Vụ Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam               |
| 4/2009-4/2011  | Quyền trưởng phòng Khai thác thương vụ Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam             |
| 4/2011-5/2020  | Trưởng phòng Khai thác thương vụ Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam                   |
| 6/2020 – nay   | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                  |

➤ **Vương Nguyễn Triều Quang**

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Năm sinh: 1982
- Địa chỉ thường trú: 16/8 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ vỏ tàu biển và kỹ thuật Hàng hải

**Quá trình công tác**

| Năm              | Quá trình công tác                                                            |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 8/2008 – 10/2016 | Chuyên viên chính Phòng kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam |
| 11/2016 – 7/2020 | Phó trưởng Phòng Vật tư Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam          |
| 8/2020 – nay     | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam                |

➤ **Lê Kim Phụng**

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1976
- Địa chỉ thường trú: 83 cư xá Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, Quận Phú Nhuận, TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiên tệ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác**

| Năm                    | Quá trình công tác                                                                                                         |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>5/2000 - 8/2004</b> | Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam |
| <b>8/2004 - 9/2014</b> | Kế toán viên Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                                                  |
| <b>9/2014 - 7/2019</b> | Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                            |
| <b>7/2019 - nay</b>    | Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam                                                                |

**Những thay đổi trong Ban điều hành, HĐQT và BKS**

| Stt | Họ tên                   | Chức vụ                          | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm                       |
|-----|--------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Phạm Thị Cẩm Hà          | Tổng Giám đốc                    | Miễn nhiệm 01/09/2020<br>(Nghỉ hưu theo chế độ)    |
| 2   | Trịnh Hữu Lương          | Thành viên HĐQT<br>Tổng giám đốc | Bổ nhiệm 19/06/2020<br>Bổ nhiệm 01/09/2020         |
| 3   | Trần Quang Toàn          | Thành viên HĐQT                  | Miễn nhiệm 19/06/2020                              |
| 4   | Đặng Hiếu                | Phó Tổng giám đốc                | Miễn nhiệm 01/06/2020<br>(Do nghỉ hưu theo chế độ) |
| 5   | Tạ Văn Thắng             | Phó Tổng giám đốc                | Bổ nhiệm 14/05/2020                                |
| 6   | Vương Nguyễn Triều Quang | Phó Tổng giám đốc                | Bổ nhiệm 03/08/2020                                |

**2. Số lượng cán bộ, nhân viên**

| Stt      | Tính chất phân loại            | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)      |
|----------|--------------------------------|------------------|----------------|
| <b>I</b> | <b>Theo trình độ lao động</b>  | <b>795</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1        | Trình độ đại học, trên đại học | 269              | 33,84%         |
| 2        | Trình độ cao đẳng              | 214              | 26,92%         |
| 4        | Trình độ trung cấp             | 96               | 12,08%         |

| Stt        | Tính chất phân loại                | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)      |
|------------|------------------------------------|------------------|----------------|
| 5          | Công nhân kỹ thuật                 | 169              | 21,26%         |
| 6          | Lao động phổ thông                 | 47               | 5,91%          |
| <b>II</b>  | <b>Theo loại hợp đồng lao động</b> | <b>795</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1          | Hợp đồng không thời hạn            | 492              | 61,89%         |
| 2          | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)      | 5                | 0,63%          |
| 3          | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm       | 298              | 37,48%         |
| <b>III</b> | <b>Theo giới tính</b>              | <b>795</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1          | Nam                                | 762              | 95,85%         |
| 2          | Nữ                                 | 33               | 4,15%          |

### 3. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

#### Môi trường làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho CBNV, SQTV, nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty. Đồng thời tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động, đặc biệt trong điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn.

Tại các tàu biển Công ty, đi đôi với việc tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo quy định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

#### Chính sách lương thưởng

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện phương thức trả lương và cơ cấu thu nhập cho người lao động bao gồm lương chức danh, tiền chuyên cần, hiệu quả công việc, ... vừa đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về tiền lương vừa khuyến khích được người lao động cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



Xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương mới phù hợp Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, tiến hành chuyển xếp lương cho toàn bộ CBNV, SQTV theo mức lương tối thiểu vùng mới là **4.420.000đ**.

| Stt | Năm  | Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng) |
|-----|------|---------------------------------------------|
| 1   | 2015 | 14,12                                       |
| 2   | 2016 | 14,10                                       |
| 3   | 2017 | 16,37                                       |
| 4   | 2018 | 20,64                                       |
| 5   | 2019 | 22,57                                       |
| 6   | 2020 | 21,60                                       |

#### **Chính sách phúc lợi**

Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v...

Ngoài ra, Công ty có mua bảo hiểm kết hợp cho tất cả người lao động làm việc ở văn phòng, bảo hiểm P&I cho Sỹ quan thuyền viên làm việc trên đội tàu Công ty. Phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị tuyên truyền kết hợp tham quan nghỉ mát hàng năm. Duy trì hoạt động họp mặt gia đình thuyền viên dịp Tết nguyên đán, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện từ nguồn phúc lợi của Công ty.

#### **Công tác bảo hộ lao động**

Các đơn vị và cá nhân trong công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của công ty và Luật Lao động về bảo hộ lao động, đặc biệt là đối với các Sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu biển nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.

#### **4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án**

Do tình hình tài chính khó khăn và cơ chế chính sách chưa cho phép triển khai nên Công ty không thực hiện dự án đầu tư trong năm 2020.

## 5. Tình hình tài chính

### Các chỉ số tài chính

| Các chỉ tiêu                                  | ĐVT  | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----------------------------------------------|------|----------|----------|
| <b><i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b> |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                     | Lần  | 0,06     | 0,04     |
| Hệ số thanh toán nhanh                        | Lần  | 0,04     | 0,02     |
| <b><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>          |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                         | %    | 265,66%  | 341,27%  |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                       | %    | -160,37% | -141,45% |
| <b><i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>  |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                        | Vòng | 15,04    | 17,64    |
| Vòng quay tổng tài sản                        | Vòng | 0,49     | 0,53     |
| <b><i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></b>   |      |          |          |
| Biên lợi nhuận gộp                            | %    | -7,54%   | -27,15%  |
| Biên lợi nhuận ròng                           | %    | -56,77%  | -73,57%  |
| Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)           | %    | -27,92%  | -38,86%  |

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 lần lượt đạt mức 0,04 và 0,02, giảm so với mức 0,06 và 0,04 của năm 2019. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn giảm mạnh và nợ ngắn hạn tăng cao. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do giảm các khoản mục vốn lưu động (tiền, khoản phải thu). Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu khoản mục (phải trả người bán, lãi vay phải trả). Trong năm, Công ty hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ, giúp cho khoản nợ của DATC giảm 20 tỷ đồng.

### Cơ cấu vốn

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban điều hành chú trọng. Đặc thù hoạt động trong ngành vận tải biển, Công ty đã vay nợ để đầu tư vào tài sản cố định là đội tàu, nên nợ vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ. Những năm qua, do tình hình thị trường vận tải biển suy thoái, Công ty gặp khó khăn tài chính nên nợ tồn đọng khá lớn.

### Năng lực hoạt động

Thị trường tàu hàng khô rời những tháng đầu năm 2020 đã giảm xuống mức thấp nhất do ngay từ đầu năm 2020 đã phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, kết hợp với biến động giá nhiên liệu và những bất ổn chính trị trên thế giới, nên việc khai thác đội tàu của Vitranschart JSC cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hàng tồn kho của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu (nhiên liệu, dầu nhớt, phụ tùng, công cụ, ...) dự trữ trên tàu nên phụ thuộc vào tuyến khai thác và chỉ mang tính thời điểm. Trong năm 2020, Công ty chủ yếu khai thác tàu theo hình thức cho thuê định hạn, nên hàng tồn kho dự trữ giảm 10,5% so với năm 2019.

### Khả năng sinh lời

Thị trường xấu cùng với gánh nặng của chi phí tài chính và chi phí khấu hao cao đã làm hiệu quả khai thác đội tàu không như kỳ vọng, lợi nhuận trong năm âm. Tuy nhiên, nhờ vào sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể CBNV trong Công ty, sự đồng thuận của Ban điều hành Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh và điều phối kế hoạch khai thác tàu hợp lý, sự chia sẻ khó khăn và đồng cảm của người lao động, đối tác... đã giúp Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong suốt năm qua, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

### 6. Cơ cấu cổ đông

#### Cổ phần

|                           |                     |
|---------------------------|---------------------|
| Tổng số cổ phần:          | 62.999.337 cổ phần  |
| Loại cổ phần:             | Cổ phần phổ thông   |
| Mệnh giá:                 | 10.000 đồng/cổ phần |
| Số cổ phần đang lưu hành: | 62.999.337 cổ phần  |
| Cổ phiếu quỹ:             | Không có            |

#### Cơ cấu cổ đông

| Stt        | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số cổ phiếu       | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ sở hữu/VĐL |
|------------|---------------------------|------------------|-------------------|------------------------|------------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>2.969</b>     | <b>62.931.406</b> | <b>629.314.060.000</b> | <b>99,892%</b>   |
| 1          | Cổ đông nhà nước          | 1                | 29.888.000        | 298.880.000.000        | 47,442%          |
| 2          | Tổ chức                   | 32               | 11.386.453        | 113.864.530.000        | 18,074%          |
| 3          | Cá nhân                   | 2.936            | 21.656.953        | 216.569.530.000        | 34,376%          |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>18</b>        | <b>67.931</b>     | <b>679.310.000</b>     | <b>0,108%</b>    |
| 1          | Tổ chức                   | 3                | 568               | 5.680.000              | 0,107%           |
| 2          | Cá nhân                   | 15               | 67.363            | 679.630.000            | 0,001%           |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>-</b>         | <b>-</b>          | <b>-</b>               | <b>0,00%</b>     |
|            | <b>Tổng cộng</b>          | <b>2.967</b>     | <b>62.999.337</b> | <b>629.993.370.000</b> | <b>100,00%</b>   |

**7. Báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội****Môi trường – năng lượng**

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5% S bắt đầu từ ngày 1/1/2020, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Công ty đã xây dựng và triển khai “Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm năm 2020” trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty; tái sử dụng giấy 1 mặt;

- Tuyên truyền và phát động các kế hoạch về bảo vệ môi trường xanh, sử dụng nhiên liệu sạch, rác thải sinh hoạt thực hiện phân loại tại nguồn theo quy định, giữ gìn sạch sẽ nơi làm việc, sinh hoạt của CBNV toàn Công ty, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và đạt được kết quả tốt.

Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường năm 2020 theo đúng khẩu hiệu “Hành động vì thiên nhiên” vì một hành tinh xanh và “Đa dạng sinh học”.

**\* Tiêu thụ nước**

Công ty tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dẫn theo lộ trình bắt đầu từ năm 2020. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.

**\* Tiêu thụ năng lượng**

Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu và phối hợp thực hiện chuyển đổi nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao sang nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp đáp ứng qui định mới của IMO 2020, song song đó chuẩn bị cung ứng loại dầu nhớt mới tương thích để bảo đảm tình trạng hoạt động của máy móc trên tàu. Lên phương án thực hiện việc chuyển toàn bộ lượng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao ra khỏi tàu. Chủ động cung cấp hóa chất bổ sung vào két để thực hiện vệ sinh két được dễ dàng và giảm thiểu lượng cặn bỏ đi.

## Về xã hội

### \* Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng.

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Công ty luôn chú trọng khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào vui chơi, văn nghệ giải trí góp phần tạo mối liên kết bền chặt giữa các nhân viên với nhau. Với những biện pháp đã thực hiện, nguồn nhân sự của Công ty đang được đảm bảo để triển khai các kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững, Công ty luôn quan tâm công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động, bao gồm việc trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động một cách tốt nhất, thường xuyên nghiên cứu cải thiện điều kiện làm việc, khám sức khỏe định kỳ hàng năm,.....

### \* Hoạt động vì cộng đồng:

Trong năm 2020, mặc dù tình hình tài chính Công ty cực kỳ khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà cho trẻ em nghèo học giỏi, chung tay tặng 01 căn nhà tình thương cho gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại huyện Chợ Lách, Bến Tre, ủng hộ quỹ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do bão lũ, tham gia hiến máu nhân đạo.v.v.



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Tình hình thị trường năm 2020:

Thị trường tàu hàng khô rời những tháng đầu năm 2020 đã giảm xuống mức thấp nhất, vượt qua vùng đáy của năm 2016 (năm được đánh giá là tồi tệ nhất lịch sử của ngành vận tải biển trong vòng 30 năm), do ngay từ đầu năm 2020 đã phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, kết hợp với biến động giá nhiên liệu và những bất ổn chính trị trên thế giới.

Đến đầu tháng 4/2020, thị trường có dấu hiệu tăng nhẹ do lệnh phong tỏa tại các cảng đã được nới lỏng và bắt đầu có nhu cầu hàng hóa từ Trung Quốc trở lại. Tuy nhiên, chỉ đến đầu tháng 6/2020 thì giá cước mới có dấu hiệu được cải thiện và các chỉ số cước duy trì đà tăng liên tiếp ở toàn phân khúc trong Quý III.

Tuy nhiên, thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản là thị trường chính của Công ty vẫn bị suy giảm do ảnh hưởng nặng bởi thời tiết xấu, mưa bão kéo dài vào tháng 7-8, tàu nằm chờ lâu nên tiền thuê tàu handysize khu vực này bị giảm hoặc chỉ duy trì ở mức thấp.

Đến Quý IV, thị trường đã liên tục giảm điểm do nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh và tình trạng thừa cung tàu, đặc biệt là ở phân khúc tàu Capsize bị giảm sâu, gây ảnh hưởng xấu đến chỉ số chung của toàn thị trường. Tuy nhiên, phân khúc tàu Handysize trong Quý IV ít biến động và vẫn duy trì khá ổn định.

Bình quân cả năm, chỉ số BDI đạt 1.065 điểm và BHSI đạt 444 điểm, lần lượt giảm 288 điểm (21%) và giảm 47 điểm (10%) so với năm ngoái.

##### 1.2. Kết quả hoạt động SXKD:

| CHỈ TIÊU                                       | ĐVT       | KH 2020  | Năm 2020 | Năm 2019 | 2020<br>KH 2020 | 2020<br>2019 |
|------------------------------------------------|-----------|----------|----------|----------|-----------------|--------------|
| 1. Sản lượng vận chuyển                        | Nghìn Tấn | 1.569,00 | 1.475,35 | 1.682,49 | 94%             | 88%          |
| 2. Sản lượng luân chuyển                       | Tỷ TKm    | 4,59     | 5,02     | 5,16     | 109%            | 97%          |
| 3. Tổng doanh thu                              | Tỷ VND    | 461,56   | 420,37   | 477,60   | 91%             | 88%          |
| Trong đó:                                      |           |          |          |          |                 |              |
| - Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ VND    | 461,56   | 415,46   | 471,45   | 90%             | 88%          |
| + Kinh doanh vận tải                           | Tỷ VND    | 279,32   | 214,91   | 271,98   | 77%             | 79%          |
| + Kinh doanh cho thuê thuyền viên              | Tỷ VND    | 188,23   | 209,27   | 205,99   | 111%            | 102%         |
| + Kinh doanh các dịch vụ khác                  | Tỷ VND    | 0,07     | 0,67     | 0,11     | 933%            | 600%         |
| + Doanh thu nội bộ                             | Tỷ VND    | (6,06)   | (9,39)   | (6,63)   |                 |              |
| 4. Lãi (+)/Lỗ (-)                              | Tỷ VND    | (272,89) | (302,90) | (272,29) |                 |              |
| + Kinh doanh vận tải                           | Tỷ VND    | (277,31) | (302,65) | (252,20) |                 |              |
| + Kinh doanh cho thuê thuyền viên              | Tỷ VND    | 12,32    | 13,92    | 12,11    | 113%            | 115%         |
| + Kinh doanh các dịch vụ khác                  | Tỷ VND    | (7,89)   | (14,18)  | (32,20)  |                 |              |

Ghi chú: - Khoản lỗ 7,89 tỷ đồng trong KH 2020 của Văn phòng Công ty là lãi phạt và lãi quá hạn của các khoản vay vốn lưu động và của các tàu đã bán.

**Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:**

**Sản lượng:**

\* So với kế hoạch: đạt 94% do thời gian chờ và thời gian sửa chữa của một số tàu tăng dẫn đến thời gian vận doanh và vòng quay chuyển giảm.

\* So với cùng kỳ: Sản lượng vận chuyển giảm 12% với cùng lý do nêu trên, cộng thêm hàng vận chuyển theo chuyển của một số tàu giảm.

**Tổng Doanh thu**

- Tổng doanh thu cả năm thực hiện 420,4 tỷ đồng, chỉ đạt 91% kế hoạch và giảm 12% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

+ Doanh thu vận tải chỉ đạt 77% kế hoạch và giảm 21% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do những biến động xấu của thị trường, phương thức khai thác đội tàu cũng phải thay đổi linh hoạt và một số tàu chuyển sang hình thức cho thuê chuyển hoặc định hạn chuyển (do bị người thuê định hạn trả lại tàu trước thời hạn hoặc yêu cầu giảm giá quá sâu), do thay đổi hình thức khai thác của một số tàu so với kế hoạch, giá cước giảm mạnh, đáng lưu ý thời gian vận doanh một số tàu giảm do sửa chữa, chờ đã bị kéo dài (VTC Sun, VTC Planet, VTC Phoenix); chờ xếp dỡ hàng, chờ vì áp dụng lệnh cách ly theo quy định của chính quyền cảng, dừng khắc phục sự cố (tàu VTC Planet), PSC lưu giữ (tàu VTC Glory).

+ **Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác** (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện 200,6 tỷ đồng, vượt 10% so với kế hoạch (chủ yếu từ kinh doanh cho thuê thuyền viên nước ngoài) và tăng 1% so với cùng kỳ 2019.

**Lãi (lỗ):**

- Cả năm toàn công ty lỗ 302,9 tỷ đồng, so với kế hoạch tăng lỗ 30 tỷ đồng và so với cùng kỳ tăng lỗ 30,6 tỷ đồng. Cụ thể:

+ **Kinh doanh vận tải:** Lỗ 302,6 tỷ đồng, trong đó chi phí khấu hao 144,5 tỷ đồng; Chi phí lãi vay và lãi phạt hơn 142 tỷ đồng. **So với kế hoạch** tăng lỗ 25,3 tỷ đồng và **So với cùng kỳ** tăng lỗ 50,5 tỷ đồng chủ yếu do doanh thu giảm;

+ **Kinh doanh dịch vụ khác:** Lỗ xấp xỉ 0,3 tỷ đồng, tăng lỗ 4,7 tỷ đồng so với kế hoạch và giảm gần 20 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong đó:

++ **Hoạt động khác tại Văn phòng Công ty:** Lỗ 14,2 tỷ đồng, chủ yếu do lãi phạt và lãi vay tàu Viễn Đông 5 tính trên dư nợ còn lại sau bán tàu 3,3 tỷ đồng, lãi phạt của khoản vay vốn lưu động hơn 5 tỷ đồng, án phí, ....

++ **Hoạt động cho thuê thuyền viên:** Lãi gần 14 tỷ đồng, tăng 13% so với kế hoạch và tăng 15% so với cùng kỳ 2019.

## 2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

### 2.1. Chỉ tiêu kế hoạch

Trước tình hình đại dịch Covid-19 đang và sẽ diễn biến hết sức phức tạp, số ca lây nhiễm tiếp tục tăng cao tại nhiều quốc gia trong khi vaccine phòng bệnh chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng trong cộng đồng, các chuyên gia trong lĩnh vực y tế dự báo nguy cơ làn sóng Covid-19 thứ 3 có thể bùng phát trên phạm vi toàn cầu sau khi các quốc gia mở cửa nền kinh tế và bệnh dịch có khả năng tiếp tục kéo dài ít nhất hai năm nữa. Do vậy, nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng sẽ còn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong năm 2021. Chỉ số BDI năm 2021 được dự báo sẽ tiếp tục dao động ở mức thấp, từ 1.200 – 2.100 điểm.

Dựa trên dự báo tình hình thị trường, năng lực của đội tàu, nguồn nhân lực của công ty và chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC), kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu được dự kiến như sau:

| CHỈ TIÊU                                       | ĐVT       | Năm 2020 | KH 2021  | KH 2021/2020 |
|------------------------------------------------|-----------|----------|----------|--------------|
| 1. Sản lượng vận chuyển                        | Nghìn Tấn | 1.475,35 | 1.390,00 | 94%          |
| 2. Sản lượng luân chuyển                       | Tỷ TKm    | 5,02     | 4,49     | 89%          |
| 3. Tổng doanh thu                              | Tỷ VND    | 420,37   | 425,57   | 101%         |
| Trong đó:                                      |           |          |          |              |
| - Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ VND    | 415,46   | 425,49   | 102%         |
| + Kinh doanh vận tải                           | Tỷ VND    | 214,91   | 246,16   | 115%         |
| + Kinh doanh cho thuê thuyền viên              | Tỷ VND    | 209,27   | 187,92   | 90%          |
| + Kinh doanh các dịch vụ khác                  | Tỷ VND    | 0,67     | 0,55     | 82%          |
| + Doanh thu nội bộ                             | Tỷ VND    | (9,39)   | (9,14)   | 97%          |
| 4. Lãi (+)/Lỗ (-)                              | Tỷ VND    | (302,90) | (233,53) |              |
| + Kinh doanh vận tải                           | Tỷ VND    | (302,65) | (244,18) |              |
| + Kinh doanh cho thuê thuyền viên              | Tỷ VND    | 13,92    | 13,53    | 97%          |
| + Kinh doanh các dịch vụ khác                  | Tỷ VND    | (14,18)  | (2,88)   |              |

#### Ghi chú:

- Khoản lỗ 2,88 tỷ đồng trong KH 2021 tại Văn phòng Công ty là khoản lãi phạt của các tàu đã bán.

- Công ty hiện vẫn đang chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua các chỉ tiêu KH 2021 nêu trên.

### 2.2. Kế hoạch đầu tư và thanh lý tài sản

- Công ty có chủ trương bán 03 tàu Viễn Đông 3, VTC Planet và VTC Sun vào cuối năm 2021 khi thị trường mua bán tàu được cải thiện, đồng thời đạt được thỏa thuận với các tổ chức tín dụng;

- Tiếp tục thực hiện chủ trương đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 phê duyệt: thành lập Công ty con; thoái vốn tại CTCP Cung ứng dịch vụ Hàng Hải và xuất nhập khẩu Phương Đông, Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận.

### **2.3. Các nhóm giải pháp thực hiện**

Trong điều kiện thị trường vận tải biển vẫn nhiều diễn biến khó lường, kế hoạch đặt ra như trên là thách thức đối với Công ty. Do vậy, để có thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra rất cần sự chung tay góp sức trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận cũng như sự tăng cường quản lý của cả bộ máy, cụ thể như sau:

#### **2.3.1 Giải pháp về kinh doanh, thị trường:**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, chủ động nghiên cứu đánh giá tìm tòi các lĩnh vực kinh doanh mới có tính khả thi và hiệu quả, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, duy trì hiệu quả kinh doanh. Khi điều kiện cho phép sẽ chuyển hướng sang thị trường mới cụ thể:

+ Nghiên cứu thị trường triển khai hoạt động thuê tàu ngoài để nâng cao năng lực do đội tàu bán thanh lý và hiệu quả kinh doanh.

+ Đối với giải pháp thị trường và định hướng phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên: Tăng cường công tác chăm lo đời sống thuyền viên, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh.

+ Tập trung phát triển các hoạt động có hiệu quả như cho thuê thuyền viên. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí để đảm bảo kế hoạch kinh doanh.

- Chú trọng đàm phán hợp đồng với người thuê tàu để tăng giá cước khi tình hình thị trường được cải thiện.

#### **2.3.2 Giải pháp về quản trị tài chính:**

- Thực hiện quyết liệt, đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ việc tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và kinh doanh. Giảm/ hoãn các khoản mua sắm chưa cấp bách; tiết giảm tối đa các khoản chi phí. Kiểm soát chặt chẽ thời gian tàu lên đà, thời gian tàu bị off-hire do tốc độ không đảm bảo, thời gian tàu dừng chờ, làm hàng để hạn chế tối đa thời gian tàu bị off-hire và khắc phục tình trạng thiếu hàng.

- Đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tài chính, lập phương án cơ cấu nợ, làm việc với Ngân hàng cho vay để hỗ trợ.

#### **2.3.3 Giải pháp về tái cơ cấu, đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp:**

- Công ty đã tái cơ cấu nguồn nhân lực tương đối triệt để, thu gọn bộ máy điều hành, tham mưu, nhân sự ... vì vậy thời gian này ưu tiên cho việc duy trì và quản lý chất lượng nguồn nhân sự, nâng cao năng suất lao động.

- Triển khai vận hành hệ thống quản lý chiến lược BSC-KPIs gắn với trả lương 3Ps nhằm theo dõi, nâng cao kết quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như các bộ phận với những mục tiêu mang tính chiến lược, là đòn bẩy thúc đẩy nhân viên làm việc tốt hơn.



## IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng công ty đạt được kết quả như đã nêu tại phần III- Báo cáo Ban Tổng Giám đốc:

### 2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn và tình hình cạnh tranh gay gắt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng khá lớn như đã trình bày tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 91% kế hoạch trong đó doanh thu vận tải biển chỉ đạt 77% kế hoạch, chủ yếu do những biến động xấu của thị trường, phương thức khai thác đội tàu cũng phải thay đổi linh hoạt và một số tàu chuyển sang hình thức cho thuê chuyển hoặc định hạn chuyển (do bị người thuê định hạn trả lại tàu trước thời hạn hoặc yêu cầu giảm giá quá sâu), do thay đổi hình thức khai thác của một số tàu so với kế hoạch, giá cước giảm mạnh, đáng lưu ý thời gian vận doanh một số tàu giảm do sửa chữa, chờ đã bị kéo dài (VTC Sun, VTC Planet, VTC Phoenix); chờ xếp dỡ hàng, chờ vì áp dụng lệnh cách ly theo quy định của chính quyền cảng, dừng khắc phục sự cố (tàu VTC Planet), PSC lưu giữ (tàu VTC Glory).

- Sản lượng vận chuyển năm 2020 đạt 1.475 nghìn tấn, đạt 94% kế hoạch do thời gian chờ và thời gian sửa chữa của một số tàu tăng dẫn đến thời gian vận doanh và vòng quay chuyển giảm;
- Sản lượng luân chuyển năm 2020 đạt hơn 5,02 tỷ TKm, tăng 9% so với kế hoạch;
- Lãi/Lỗ trước thuế năm 2020 âm 302,9 tỷ đồng, tăng lỗ 11% so với kế hoạch 2019 chủ yếu do doanh thu giảm.

### 3. Tình hình đầu tư

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã chấp thuận chủ trương thành lập Công ty con (Công ty TNHH hoạt động trong lĩnh vực: Vận tải hàng hóa ven biển, thuê và cho thuê tàu biển; môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, văn phòng cho thuê, ...với vốn điều lệ 20 tỷ đồng). Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thành lập Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng và sẽ lựa chọn thời điểm phù hợp để triển khai thủ tục thành lập công ty theo đúng quy định pháp luật.

- Khôi phục hoạt động và triển khai phương án kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm E-Logistics và Công nghệ Thông tin Hàng hải Việt Xanh (VietGreen Center) theo Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 24/12/2020, hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin dựa vào nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đã được Công ty trang bị, đầu tư từ nhiều năm qua.

- Công ty con SCCM chính thức đi vào hoạt động độc lập từ ngày 01/01/2020 và đã gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2020 do chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, đặc biệt là công tác



thay thuyền viên bị tác động rất lớn do lệnh phong tỏa của các nước, không thể mua vé máy bay cho thuyền viên hồi hương. Mặc dù vậy, Lãnh đạo SCCM và tập thể CBNV – SQTV đã vận dụng mọi giải pháp để tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Cụ thể, doanh thu năm 2020 tăng 11% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế tăng 13% so với kế hoạch.

- Công ty liên kết Pdimex JSC tiếp tục hoạt động kém hiệu quả trong năm 2020 (Lợi nhuận âm 2,3 tỷ đồng) do các mảng kinh doanh chính của Pdimex như cung cấp thạch cao-clinker, cung cấp đá Pozzolan... đều sụt giảm đồng thời cũng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Nhận thấy tình hình kinh doanh của Pdimex vẫn xấu và chưa có dấu hiệu hồi phục, Vitranschart đã không ngừng nỗ lực tìm kiếm cơ hội chào bán số cổ phần còn lại của Vitranschart để thoái toàn bộ số vốn tại Pdimex (tương đương với tỷ lệ vốn góp 26,46% của Vitranschart tại Pdimex). Tuy nhiên, do quy mô vốn tại Pdimex quá nhỏ trong khi hiệu quả kinh doanh lại kém nên rất khó có khả năng thu hút được các nhà đầu tư tiềm năng. Trong năm 2021, Vitranschart sẽ tiếp tục hoàn thiện và triển khai phương án thoái vốn toàn bộ số vốn còn lại nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chào bán chứng khoán, hài hòa lợi ích của công ty và các nhà đầu tư khi thực hiện thoái vốn, đồng thời đảm bảo việc thoái vốn được công khai minh bạch, có hiệu quả.

#### **4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó những kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước tìm kiếm và chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn vô vàn khó khăn phức tạp.

#### **5. Kế hoạch định hướng của HĐQT**

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc duy trì hoạt động ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty;

- Tiếp tục nghiên cứu đánh giá tìm tòi các lĩnh vực kinh doanh mới có tính khả thi và hiệu quả, cụ thể:

+ Nghiên cứu thị trường triển khai hoạt động thuê tàu ngoài để nâng cao năng lực do đội tàu bán thanh lý và hiệu quả kinh doanh.

+ Đối với giải pháp thị trường và định hướng phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên: Tăng cường công tác chăm lo đời sống thuyền viên, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh.

+ Tập trung phát triển các hoạt động có hiệu quả như cho thuê thuyền viên. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí để đảm bảo kế hoạch kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm;

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty;

- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2021 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải;

- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và các cuộc họp Hội đồng quản trị

| Stt | Thành viên HĐQT   | Chức vụ                      | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự        |
|-----|-------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|----------------------------|
| 1   | Huỳnh Nam Anh     | Chủ tịch HĐQT                | 04                  | 100%              |                            |
| 2   | Phạm Thị Cẩm Hà   | Phó Chủ tịch HĐQT            | 04                  | 100%              |                            |
| 3   | Trịnh Hữu Lương   | Thành viên HĐQT kiêm TGD     | 02                  | 100%              | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020   |
| 4   | Nguyễn Minh Cường | Thành viên HĐQT              | 04                  | 100%              |                            |
| 5   | Mai Thị Thu Vân   | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 04                  | 100%              |                            |
| 6   | Trần Quang Toàn   | Thành viên HĐQT              | 02                  | 100%              | Miễn nhiệm ngày 19/06/2019 |

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có do HĐQT không thành lập các tiểu ban

#### Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

| Stt | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                               | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 01  | 01/QĐ-HĐQT                | 10/01/2020 | QĐ thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020                                        | 100%            |
| 02  | 02/QĐ-HĐQT                | 17/01/2020 | QĐ tặng danh sách hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" năm 2019                               | 100%            |
| 03  | 03/NQ-HĐQT                | 10/02/2020 | NQ phiên họp ngày 10/02/2020                                                           | 100%            |
| 04  | 04/NQ-HĐQT                | 24/02/2020 | NQ về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020                           | 100%            |
| 05  | 05/NQ-HĐQT                | 28/02/2020 | NQ về việc Thành lập văn phòng Đại diện SCCM tại Hải Phòng                             | 100%            |
| 06  | 06/QĐ-HĐQT                | 28/02/2020 | QĐ thành lập Văn phòng đại diện công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC tại TP Hải Phòng | 100%            |
| 07  | 07/NQ-HĐQT                | 31/03/2020 | NQ về việc thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020                     | 100%            |
| 08  | 08/NQ-HĐQT                | 28/04/2020 | NQ về công tác cán bộ Công ty                                                          | 100%            |
| 09  | 09/QĐ-HĐQT                | 08/05/2020 | QĐ nghị việc hưởng chế độ hưu trí                                                      | 100%            |

| <b>Stt</b> | <b>Số nghị quyết/<br/>quyết định</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                                             | <b>Tỷ lệ<br/>thông qua</b> |
|------------|--------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 10         | 10/NQ-HĐQT                           | 08/05/2020  | Nghị quyết phiên họp ngày 8/5/2020                                                                                          | 100%                       |
| 11         | 11/NQ-HĐQT                           | 11/05/2020  | NQ về nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Cty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông | 100%                       |
| 12         | 12/QĐ-HĐQT                           | 12/05/2020  | QĐ cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông        | 100%                       |
| 13         | 13/QĐ-HĐQT                           | 14/05/2020  | QĐ bổ nhiệm ông Tạ Văn Thắng giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty                                                             | 100%                       |
| 14         | 14/QĐ-HĐQT                           | 27/05/2020  | QĐ miễn nhiệm chức vụ cán bộ                                                                                                | 100%                       |
| 15         | 15/NQ-HĐQT                           | 15/07/2020  | NQ về Công tác Cán bộ Công ty                                                                                               | 100%                       |
| 16         | 16/NQ-HĐQT                           | 29/07/2020  | NQ về Công tác Cán bộ Công ty                                                                                               | 100%                       |
| 17         | 17/QĐ-HĐQT                           | 03/08/2020  | QĐ bổ nhiệm ông Vương Nguyễn Triều Quang giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty                                                 | 100%                       |
| 18         | 18/QĐ-HĐQT                           | 07/08/2020  | QĐ nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí                                                                                           | 100%                       |
| 19         | 19/NQ-HĐQT                           | 07/08/2020  | NQ về phiên họp ngày 07/08/2020                                                                                             | 100%                       |
| 20         | 20/QĐ-HĐQT                           | 17/08/2020  | QĐ điều chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 của Cty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC                                         | 100%                       |
| 21         | 21/QĐ-HĐQT                           | 20/08/2020  | QĐ ban hành Quy chế quản lý Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty                                      | 100%                       |
| 22         | 22/NQ-HĐQT                           | 20/08/2020  | NQ triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ                                                               | 100%                       |
| 23         | 23/NQ-HĐQT                           | 27/08/2020  | NQ về công tác cán bộ Công ty                                                                                               | 100%                       |
| 24         | 24/QĐ-HĐQT                           | 31/08/2020  | QĐ miễn nhiệm chức vụ cán bộ                                                                                                | 100%                       |
| 25         | 25/QĐ-HĐQT                           | 31/08/2020  | QĐ thôi giữ nhiệm vụ Chủ tịch Công ty SCCM                                                                                  | 100%                       |
| 26         | 26/QĐ-HĐQT                           | 31/08/2020  | QĐ cử và giao nhiệm vụ chủ tịch Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC                                                       | 100%                       |
| 27         | 27/NQ-HĐQT                           | 01/09/2020  | Nghị quyết công tác cán bộ Công ty                                                                                          | 100%                       |
| 28         | 28/QĐ-HĐQT                           | 01/09/2020  | Quyết định bổ nhiệm ông Trịnh Hữu Lương giữ chức TGD Công ty                                                                | 100%                       |
| 29         | 29/QĐ-HĐQT                           | 01/09/2020  | QĐ thay đổi người đại diện pháp luật                                                                                        | 100%                       |
| 30         | 30/QĐ-HĐQT                           | 17/09/2020  | QĐ thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty                                                                    | 100%                       |
| 31         | 31/NQ-HĐQT                           | 07/10/2020  | Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ                                                   | 100%                       |

| Stt | Số nghị quyết/<br>quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                               | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 32  | 32/NQ-HĐQT                   | 21/10/2020 | NQ về phiên họp ngày 21/10/2020                                                        | 100%               |
| 33  | 33/QĐ-HĐQT                   | 30/11/2020 | QĐ ban hành quy chế quản lý và hoạt động NDDPV của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp | 100%               |
| 34  | 34/QĐ-HĐQT                   | 08/12/2020 | QĐ Duy trì hoạt động kinh doanh và đổi tên Chi nhánh                                   | 100%               |
| 35  | 35/NQ-HĐQT                   | 14/12/2020 | NQ về công tác tổ chức cán bộ Công ty                                                  | 100%               |
| 36  | 36/QĐ-HĐQT                   | 14/12/2020 | QĐ về tiền lương và thu nhập năm 2020                                                  | 100%               |
| 37  | 37/QĐ-HĐQT                   | 14/12/2020 | QĐ về xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi                                     | 100%               |
| 38  | 38/QĐ-HĐQT                   | 16/12/2020 | QĐ điều động và bổ nhiệm cán bộ                                                        | 100%               |
| 39  | 39/QĐ-HĐQT                   | 29/12/2020 | QĐ về dự án tại khu I-428 NTT                                                          | 100%               |
| 40  | 40/QĐ-HĐQT                   | 31/12/2020 | QĐ quy chế phân phối tiền lương 3Ps                                                    | 100%               |

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

| Stt | Họ và tên              | Chức vụ    | Số buổi họp<br>tham dự | Tỷ lệ tham<br>dự họp | Lý do không<br>tham dự |
|-----|------------------------|------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| 1   | Lã Thị Liên Hương      | Trưởng ban | 4/4                    | 100%                 |                        |
| 2   | Hoàng Thị Thanh Phương | Thành viên | 4/4                    | 100%                 |                        |
| 3   | Nguyễn Thị Băng Tâm    | Thành viên | 4/4                    | 100%                 |                        |

### 2.2 Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, đầu tư, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2020, việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ....

+ Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị thông qua việc tham dự và góp ý kiến về các nội dung tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có thêm thông tin trong việc ra Nghị quyết, Quyết định....

- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc xem xét các quyết định, công văn và các tài liệu liên quan. Theo đó, Ban kiểm soát đã góp ý kiến về các nội dung báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn Công ty tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính năm 2020, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện



hành của Việt Nam. Qua đó, Ban kiểm soát có ý kiến tình hình tài chính, kinh doanh và đầu tư của Công ty tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị và có báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Trình báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS**

Đơn vị tính: đồng

| <b>Stt</b> |                          | <b>Họ và tên</b>                       | <b>Lương và các khoản lợi ích</b> | <b>Thù lao</b> |
|------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|            | <b>Hội đồng quản trị</b> |                                        |                                   |                |
| 1          | Ông                      | Huỳnh Nam Anh                          | 582.465.422                       |                |
| 2          | Bà                       | Phạm Thị Cẩm Hà                        |                                   |                |
| 3          | Ông                      | Trịnh Hữu Lương (T7-T12/2020)          |                                   |                |
| 4          | Bà                       | Mai Thị Thu Vân                        |                                   |                |
| 5          | Ông                      | Nguyễn Minh Cường                      |                                   |                |
| 6          | Ông                      | Trần Quang Toàn (T1-T6/2020)           |                                   |                |
|            | <b>Ban kiểm soát</b>     |                                        |                                   |                |
| 1          | Bà                       | Hoàng Thị Thanh Phương                 |                                   | 32.400.000     |
| 2          | Bà                       | Nguyễn Thị Băng Tâm                    |                                   | 32.400.000     |
| 3          | Bà                       | Lã Thị Liên Hương                      |                                   | 32.400.000     |
|            | <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                                        |                                   |                |
| 1          | Bà                       | Phạm Thị Cẩm Hà (T1-T8/2020)           | 369.473.341                       |                |
| 2          | Ông                      | Trịnh Hữu Lương (T9-T12/2020)          | 171.621.830                       |                |
| 3          | Ông                      | Đặng Hiếu (T1-T5/2020)                 | 189.012.322                       |                |
| 4          | Bà                       | Mai Thị Thu Vân                        | 409.277.519                       |                |
| 5          | Ông                      | Tạ Văn Thắng (T6-T12/2020)             | 264.050.659                       |                |
| 6          | Ông                      | Vương Nguyễn Triều Quang (T8-T12/2020) | 167.154.644                       |                |

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



[aasc.com.vn](http://aasc.com.vn)

AASC AUDITING FIRM



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

|                                               | <b>Trang</b> |
|-----------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 02-03        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 04-05        |
| Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán  | 06-42        |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp                 | 06-07        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | 08           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp           | 09-10        |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp        | 11-42        |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 01 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                       |              |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Ông Huỳnh Nam Anh     | Chủ tịch     |                            |
| Bà Phạm Thị Cẩm Hà    | Phó Chủ tịch |                            |
| Ông Trịnh Hữu Lương   | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020   |
| Ông Trần Quang Toàn   | Ủy viên      | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| Ông Nguyễn Minh Cường | Ủy viên      |                            |
| Bà Mai Thị Thu Vân    | Ủy viên      |                            |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                              |                   |                            |
|------------------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Trịnh Hữu Lương          | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/09/2020   |
| Bà Phạm Thị Cẩm Hà           | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 01/09/2020 |
| Ông Tạ Văn Thắng             | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2020   |
| Ông Đặng Hiếu                | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 31/05/2020 |
| Bà Mai Thị Thu Vân           | Phó Tổng Giám đốc |                            |
| Ông Vương Nguyễn Triều Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03/08/2020   |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Bà Lê Thị Liên Hương      | Trưởng ban |
| Bà Hoàng Thị Thanh Phương | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Băng Tâm    | Thành viên |

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



**Trịnh Hữu Lương**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021*



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 25 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 2.133 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.361 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ đã bị âm 1.716 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần trong năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ âm 16 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 19 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán là 793 tỷ đồng chủ yếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Công ty cũng đang đối mặt với các vụ kiện của Ngân hàng về việc phải thanh toán ngay các khoản vay và không thể đảm bảo thanh toán nếu bị xử thua và bị thi hành án. Thực tế này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo chưa trình bày đầy đủ các vấn đề này.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Đặng Huy Hoàng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND      | 01/01/2020<br>VND      |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    |             | <b>75.867.746.151</b>  | <b>116.411.287.686</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | 3           | <b>3.547.386.231</b>   | <b>19.624.926.092</b>  |
| 111   | 1. Tiền                                       |             | 3.547.386.231          | 15.624.926.092         |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                 |             | -                      | 4.000.000.000          |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       |             | <b>29.578.795.873</b>  | <b>58.626.376.081</b>  |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng           | 5           | 5.172.617.397          | 6.872.552.767          |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn           | 6           | 5.046.820.317          | 4.187.644.735          |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                     | 7           | 31.278.979.963         | 58.864.755.696         |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         |             | (11.919.621.804)       | (11.298.577.117)       |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                       | 9           | <b>30.686.372.220</b>  | <b>29.391.466.015</b>  |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                               |             | 30.686.372.220         | 29.391.466.015         |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>               |             | <b>12.055.191.827</b>  | <b>8.768.519.498</b>   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 13          | 104.624.639            | 170.633.166            |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                    |             | 11.925.348.109         | 8.575.320.701          |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 16          | 25.219.079             | 22.565.631             |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     |             | <b>620.113.642.570</b> | <b>746.289.383.609</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          |             | <b>20.306.265.730</b>  | <b>20.279.531.971</b>  |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                      | 7           | 20.306.265.730         | 20.279.531.971         |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                    |             | <b>562.276.654.803</b> | <b>706.959.165.266</b> |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 11          | 562.254.632.553        | 706.907.780.016        |
| 222   | - Nguyên giá                                  |             | 2.348.460.447.886      | 2.348.105.442.186      |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (1.786.205.815.333)    | (1.641.197.662.170)    |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                    | 12          | 22.022.250             | 51.385.250             |
| 228   | - Nguyên giá                                  |             | 8.069.867.315          | 8.069.867.315          |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (8.047.845.065)        | (8.018.482.065)        |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>            |             | <b>625.985.288</b>     | <b>625.985.288</b>     |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 10          | 625.985.288            | 625.985.288            |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>            | 4           | <b>8.276.212.378</b>   | <b>8.889.516.552</b>   |
| 251   | 1. Đầu tư vào công ty con                     |             | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |
| 252   | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết    |             | 4.906.000.000          | 4.906.000.000          |
| 253   | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             |             | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |
| 254   | 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |             | (3.629.787.622)        | (3.016.483.448)        |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>28.628.524.371</b>  | <b>9.535.184.532</b>   |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 13          | 28.628.524.371         | 9.535.184.532          |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>695.981.388.721</b> | <b>862.700.671.295</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND          | 01/01/2020<br>VND          |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | <b>2.412.759.266.124</b>   | <b>2.290.345.942.029</b>   |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | <b>2.209.299.926.630</b>   | <b>2.011.231.053.991</b>   |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 14          | 74.266.857.548             | 55.482.271.599             |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 15          | 12.330.989.591             | 5.968.608.302              |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 16          | 30.709.702                 | 342.430.127                |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                    |             | 24.310.528.568             | 44.238.335.410             |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 17          | 985.457.633.730            | 829.770.386.935            |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn          |             | 8.251.647.957              | 2.059.981.888              |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                     | 18          | 33.860.481.993             | 37.222.326.205             |
| 320   | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 19          | 1.069.215.365.317          | 1.034.170.571.721          |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   |             | 1.575.712.224              | 1.976.141.804              |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | <b>203.459.339.494</b>     | <b>279.114.888.038</b>     |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                      | 18          | 8.404.589.178              | 8.636.319.178              |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 19          | 195.054.750.316            | 270.478.568.860            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      |             | <b>(1.716.777.877.403)</b> | <b>(1.427.645.270.734)</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | 20          | <b>(1.716.777.877.403)</b> | <b>(1.427.645.270.734)</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 629.993.370.000            | 609.993.370.000            |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        |             | 629.993.370.000            | 609.993.370.000            |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                       |             | 88.258.000                 | 88.258.000                 |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 9.662.314.492              | 9.662.314.492              |
| 420   | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              |             | 4.840.727.077              | 4.840.727.077              |
| 421   | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | (2.361.362.546.972)        | (2.052.229.940.303)        |
| 421a  | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | (2.052.229.940.303)        | (1.780.285.817.722)        |
| 421b  | LNST chưa phân phối năm nay                   |             | (309.132.606.669)          | (271.944.122.581)          |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <b>695.981.388.721</b>     | <b>862.700.671.295</b>     |

Lê Kim Phụng  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU                                         | Thuyết minh | Năm 2020          | Năm 2019          |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
|       |                                                  |             | VND               | VND               |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 22          | 222.711.280.419   | 479.786.574.755   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 23          | 5.700.508.321     | 8.169.614.327     |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 217.010.772.098   | 471.616.960.428   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 24          | 354.066.154.675   | 507.597.124.521   |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | (137.055.382.577) | (35.980.164.093)  |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 25          | 11.400.996.821    | 4.282.438.331     |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 26          | 60.815.261.814    | 78.558.396.168    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 58.439.705.503    | 71.909.624.129    |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              | 27          | 2.369.737.876     | 3.241.188.970     |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 28          | 20.180.113.424    | 30.580.055.993    |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | (209.019.498.870) | (144.077.366.893) |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 29          | 885.876.155       | 1.751.886.107     |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 30          | 100.998.983.954   | 129.618.641.795   |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | (100.113.107.799) | (127.866.755.688) |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | (309.132.606.669) | (271.944.122.581) |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 31          | -                 | -                 |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                 | -                 |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | (309.132.606.669) | (271.944.122.581) |



Lê Kim Phượng  
Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số                                       | CHỈ TIÊU                                                                                         | Thuyết minh | Năm 2020          | Năm 2019          |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
|                                             |                                                                                                  |             | VND               | VND               |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  |                                                                                                  |             |                   |                   |
| 01                                          | 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          |             | (309.132.606.669) | (271.944.122.581) |
|                                             | 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |             |                   |                   |
| 02                                          | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                |             | 145.037.516.163   | 147.441.342.697   |
| 03                                          | - Các khoản dự phòng                                                                             |             | 2.126.819.385     | (654.403.281)     |
| 04                                          | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       |             | (2.792.700.114)   | (3.511.690.257)   |
| 05                                          | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    |             | (8.231.363.511)   | (194.590.319)     |
| 06                                          | - Chi phí lãi vay                                                                                |             | 58.439.705.503    | 71.909.624.129    |
| 08                                          | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | (114.552.629.243) | (56.953.839.612)  |
| 09                                          | - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  |             | 24.749.629.519    | 30.409.682.600    |
| 10                                          | - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        |             | (1.294.906.205)   | 8.696.629.952     |
| 11                                          | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 104.699.311.691   | 100.199.363.297   |
| 12                                          | - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   |             | 11.665.180.609    | (1.607.664.508)   |
| 14                                          | - Tiền lãi vay đã trả                                                                            |             | -                 | (10.000.000.000)  |
| 17                                          | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         |             | (400.429.580)     | (140.180.000)     |
| 20                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    |             | 24.866.156.791    | 70.603.991.729    |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ     |                                                                                                  |             |                   |                   |
| 21                                          | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (31.047.517.621)  | (2.783.920.431)   |
| 22                                          | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                  |             | -                 | 32.819.909.091    |
| 27                                          | 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           |             | 8.231.363.511     | 313.706.208       |
| 30                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        |             | (22.816.154.110)  | 30.349.694.868    |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH |                                                                                                  |             |                   |                   |
| 34                                          | 1. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           |             | (18.266.033.655)  | (105.889.538.780) |
| 40                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     |             | (18.266.033.655)  | (105.889.538.780) |
| 50                                          | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                                  |             | (16.216.030.974)  | (4.935.852.183)   |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                | Thuyết minh | Năm 2020             | Năm 2019              |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------|----------------------|-----------------------|
|       |                                                         |             | VND                  | VND                   |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                        |             | 19.624.926.092       | 24.599.308.483        |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | 138.491.113          | (38.530.208)          |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                       | 3           | <u>3.547.386.231</u> | <u>19.624.926.092</u> |

Lê Kim Phụng  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 01 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 629.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 629.993.370.000 đồng; tương đương 62.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 483 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cán hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Doanh thu năm 2020 của Công ty giảm 53,58% so với năm 2019 do thị trường cước tàu hàng khô rời năm 2020 giảm mạnh, nguyên nhân là do ảnh hưởng từ dịch Covid -19 làm hạn chế việc xuất nhập khẩu. Mặt khác trong năm tàu VTC Sun, VTC Planet, VTC Phoenix, VTC Dragon của Công ty lên đà sửa chữa định kỳ và tàu VTC Planet bị gặp sự cố máy đèn tại Myanmar dẫn đến doanh thu vận tải năm nay giảm mạnh. Một phần do chi nhánh Trung tâm Đào tạo môi giới và Xuất khẩu thuyền viên phía Nam tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2020.

Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 2.133 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.361 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ âm 1.716 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần trong năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ âm 16 tỷ đồng. Đồng thời các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 793 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)

**Địa chỉ**

Hồ Chí Minh

**Hoạt động kinh doanh chính**

Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên  
Mã chi nhánh: 0300448709-003  
Chi nhánh tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2020

Văn phòng Đại diện tại Hà Nội

Hà Nội

Văn phòng Đại diện  
Mã chi nhánh: 0300448709-013

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính tổng hợp này nên đọc các Báo cáo tài chính tổng hợp kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 20 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 05 năm |

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31/12/2020                  | 01/01/2020                   |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                 | VND                         | VND                          |
| Tiền mặt                        | 1.463.000                   | 387.300                      |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.545.923.231               | 15.624.538.792               |
| + Tiền Việt Nam                 | 581.980.447                 | 927.092.574                  |
| + Ngoại tệ                      | 2.963.942.784               | 14.697.446.218               |
| Các khoản tương đương tiền      | -                           | 4.000.000.000                |
|                                 | <u><u>3.547.386.231</u></u> | <u><u>19.624.926.092</u></u> |

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|                                                                                        | 31/12/2020     |                 | 01/01/2020     |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                                                                        | Giá gốc        | Dự phòng        | Giá gốc        | Dự phòng        |
|                                                                                        | VND            | VND             | VND            | VND             |
| <b>Đầu tư vào Công ty con</b>                                                          |                |                 |                |                 |
| - Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)                                         | 5.000.000.000  | -               | 5.000.000.000  | -               |
| <b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>                                                     |                |                 |                |                 |
| - Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) | 4.906.000.000  | (3.629.787.622) | 4.906.000.000  | (3.016.483.448) |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>                                                          |                |                 |                |                 |
| - Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận                                                     | 2.000.000.000  | -               | 2.000.000.000  | -               |
|                                                                                        | 11.906.000.000 | (3.629.787.622) | 11.906.000.000 | (3.016.483.448) |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

| Tên Công ty                                    | Nơi thành lập  | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh                     |
|------------------------------------------------|----------------|---------------|------------------|------------------------------------------|
| - Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM) | Tp Hồ Chí Minh | 100,00%       | 100,00%          | Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên |

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

| Tên Công ty                                                                            | Nơi thành lập  | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) | Tp Hồ Chí Minh | 26,46%        | 26,46%           | Đại lý tàu biển      |

**Đầu tư vào đơn vị khác**

| Tên Công ty                        | Nơi thành lập  | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh             |
|------------------------------------|----------------|---------------|------------------|----------------------------------|
| - Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận | Tp Hồ Chí Minh | 10,00%        | 10,00%           | Kinh doanh bất động sản cho thuê |

## 5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                                                      | 31/12/2020           |                        | 01/01/2020           |                        |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                                                      | Giá trị              | Dự phòng               | Giá trị              | Dự phòng               |
|                                                                      | VND                  | VND                    | VND                  | VND                    |
| <b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b> |                      |                        |                      |                        |
| - Ocean                                                              | 5.016.623.660        | (1.513.515.211)        | 3.894.052.242        | -                      |
| Horizon                                                              |                      |                        |                      |                        |
| - Alize                                                              | -                    | -                      | 713.944.000          | (713.944.000)          |
| Commodities -                                                        |                      |                        |                      |                        |
| - Phải thu khách hàng khác                                           | 155.993.737          | (111.496.589)          | 2.264.556.525        | (290.023.113)          |
|                                                                      | <u>5.172.617.397</u> | <u>(1.625.011.800)</u> | <u>6.872.552.767</u> | <u>(1.003.967.113)</u> |

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                       | 31/12/2020           |          | 01/01/2020           |          |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                       | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
|                                                       | VND                  | VND      | VND                  | VND      |
| - Công ty TNHH Xây dựng và Thiết bị Cơ khí Hoàng Việt | -                    | -        | 276.568.600          | -        |
| - Ben Line Agencies (Myanmar) Ltd                     | 1.485.496.800        | -        | -                    | -        |
| - Đối tượng khác                                      | 3.561.323.517        | -        | 3.911.076.135        | -        |
|                                                       | <u>5.046.820.317</u> | <u>-</u> | <u>4.187.644.735</u> | <u>-</u> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**  
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**7 . PHẢI THU KHÁC**

|                                                                    | 31/12/2020            |                         | 01/01/2020            |                         |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|                                                                    | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND         | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND         |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                                 |                       |                         |                       |                         |
| - Tạm ứng                                                          | 4.984.758.923         | -                       | 6.392.406.360         | -                       |
| - Ký cược, ký quỹ                                                  | 43.953.120            | -                       | 58.194.472            | -                       |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines <sup>(1)</sup> | 9.033.915.535         | (9.033.915.535)         | 9.033.915.535         | (9.033.915.535)         |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam <sup>(2)</sup>          | 1.208.068.467         | (1.208.068.467)         | 1.208.068.467         | (1.208.068.467)         |
| - Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC                            | 15.203.013.828        | -                       | 30.824.605.218        | -                       |
| - Phải thu khác                                                    | 805.270.090           | (52.626.002)            | 11.347.565.644        | (52.626.002)            |
|                                                                    | <b>31.278.979.963</b> | <b>(10.294.610.004)</b> | <b>58.864.755.696</b> | <b>(10.294.610.004)</b> |

**b) Dài hạn**

- Ký cược, ký quỹ
- Khoản ký cược, ký quỹ cho hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster<sup>(3)</sup>

|  |                |   |                |   |
|--|----------------|---|----------------|---|
|  | 1.111.500.000  | - | 1.084.500.000  | - |
|  | 19.194.765.730 | - | 19.195.031.971 | - |

|  |                       |          |                       |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | <b>20.306.265.730</b> | <b>-</b> | <b>20.279.531.971</b> | <b>-</b> |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|

**c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

|  |                       |          |                       |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | <b>15.203.013.828</b> | <b>-</b> | <b>30.824.605.218</b> | <b>-</b> |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|

(1) Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle chỉ trả thay cho Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines;

(2) Khoản chi trả hộ công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam;

(3) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án cần hỗ trợ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm tại Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 18 - Phải trả khác.



## 8 . NỢ XẤU

|                                                                                                             | 31/12/2020            |                        | 01/01/2020            |                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                                                                                             | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
|                                                                                                             | VND                   | VND                    | VND                   | VND                    |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi |                       |                        |                       |                        |
| - Công ty TNHH MTV vận tải biển dương Vinashin (Vinashinlines)                                              | 9.033.915.535         | -                      | 9.033.915.535         | -                      |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Falcon)                                                                  | 1.208.068.467         | -                      | 1.208.068.467         | -                      |
| - Ocean Horizon Shipping Co SA                                                                              | 5.016.623.660         | 3.503.108.449          | -                     | -                      |
| - Các khoản khác                                                                                            | 164.122.591           | -                      | 1.056.593.115         | -                      |
|                                                                                                             | <b>15.422.730.253</b> | <b>3.503.108.449</b>   | <b>11.298.577.117</b> | <b>-</b>               |

## 9 . HÀNG TỒN KHO

|                       | 31/12/2020            |          | 01/01/2020            |          |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                       | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
|                       | VND                   | VND      | VND                   | VND      |
| Nguyên liệu, vật liệu | 19.650.237.928        | -        | 17.754.724.675        | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 11.036.134.292        | -        | 11.636.741.340        | -        |
|                       | <b>30.686.372.220</b> | <b>-</b> | <b>29.391.466.015</b> | <b>-</b> |

## 10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                                                                              | 31/12/2020         | 01/01/2020         |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                              | VND                | VND                |
| - Dự án xây dựng cải tạo tòa nhà văn phòng Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành (*) | 625.985.288        | 625.985.288        |
|                                                                              | <b>625.985.288</b> | <b>625.985.288</b> |

(\*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m<sup>2</sup> đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m<sup>2</sup> đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng, Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đã bắt đầu khảo sát từ năm 2010, tuy nhiên do còn vướng mắc thủ tục với các cơ quan ban ngành nên dự án chưa thể triển khai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị    | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                     |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
|                               | VND                    | VND                  | VND                             | VND                       | VND                      |
| <b>Nguyên giá</b>             |                        |                      |                                 |                           |                          |
| Số dư đầu năm                 | 8.191.134.400          | 5.671.744.431        | 2.328.295.888.532               | 5.946.674.823             | 2.348.105.442.186        |
| - Mua trong năm               | -                      | -                    | -                               | 355.005.700               | 355.005.700              |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>8.191.134.400</b>   | <b>5.671.744.431</b> | <b>2.328.295.888.532</b>        | <b>6.301.680.523</b>      | <b>2.348.460.447.886</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                        |                      |                                 |                           |                          |
| Số dư đầu năm                 | 7.905.698.597          | 2.958.830.851        | 1.624.635.351.500               | 5.697.781.222             | 1.641.197.662.170        |
| - Khấu hao trong năm          | 241.582.806            | 1.014.064.218        | 143.597.982.061                 | 154.524.078               | 145.008.153.163          |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>8.147.281.403</b>   | <b>3.972.895.069</b> | <b>1.768.233.333.561</b>        | <b>5.852.305.300</b>      | <b>1.786.205.815.333</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                        |                      |                                 |                           |                          |
| Tại ngày đầu năm              | 285.435.803            | 2.712.913.580        | 703.660.537.032                 | 248.893.601               | 706.907.780.016          |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>43.852.997</b>      | <b>1.698.849.362</b> | <b>560.062.554.971</b>          | <b>449.375.223</b>        | <b>562.254.632.553</b>   |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 560.045.510.274 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.679.481.081 đồng.

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là hệ thống phần mềm ERP-SAP có nguyên giá là 8.069.867.315 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2020 là 8.047.845.065 đồng khấu hao trong kỳ là 29.363.000 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                              | 31/12/2020            | 01/01/2020           |
|----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                              | VND                   | VND                  |
| a) <b>Ngắn hạn</b>                           |                       |                      |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng                    | 16.421.818            | 90.330.998           |
| Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn           | 88.202.821            | 80.302.168           |
|                                              | <b>104.624.639</b>    | <b>170.633.166</b>   |
| b) <b>Dài hạn</b>                            |                       |                      |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*) | 27.902.428.614        | 8.651.335.460        |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng                    | 596.547.757           | 862.081.825          |
| Chi phí trả trước dài hạn khác               | 129.548.000           | 21.767.247           |
|                                              | <b>28.628.524.371</b> | <b>9.535.184.532</b> |

(\*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện sửa chữa lên đà cho 04 tàu VTC Sun, VTC Planet và VTC Phoenix và VTC Dragon.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                                      | 31/12/2020            |                       | 01/01/2020            |                       |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                      | Giá trị               | Số có khả năng trả    | Giá trị               | Số có khả năng trả    |
|                                                                      | VND                   | nợ VND                | VND                   | nợ VND                |
| a) <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh                                        | 2.402.563.300         | 2.402.563.300         | 3.964.478.652         | 3.964.478.652         |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo                          | 4.826.228.011         | 4.826.228.011         | 4.177.182.615         | 4.177.182.615         |
| Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS                                   | 5.724.368.017         | 5.724.368.017         | 4.109.619.469         | 4.109.619.469         |
| Công ty TNHH TM & DV Hồng Thư                                        | 5.384.860.488         | 5.384.860.488         | 3.796.021.374         | 3.796.021.374         |
| Đối tượng khác                                                       | 55.928.837.732        | 55.928.837.732        | 39.434.969.489        | 39.434.969.489        |
|                                                                      | <b>74.266.857.548</b> | <b>74.266.857.548</b> | <b>55.482.271.599</b> | <b>55.482.271.599</b> |
| b) <b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>          |                       |                       |                       |                       |
|                                                                      | <b>4.440.256.438</b>  | <b>4.440.256.438</b>  | <b>2.041.026.828</b>  | <b>2.041.026.828</b>  |

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                                         | 31/12/2020            | 01/01/2020           |
|-----------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                         | VND                   | VND                  |
| - Daedong Shipping Co., ltd             | 2.077.101.474         | 585.369.176          |
| - Shengfa Shipping (Hong Kong) Co., ltd | 325.487.498           | 1.113.945.130        |
| - Winner Shipping Co.,Ltd               | 3.215.441.100         | -                    |
| - Axle Marine Pte Ltd                   | 3.486.737.064         | -                    |
| - Đối tượng khác                        | 3.226.222.455         | 4.269.293.996        |
|                                         | <b>12.330.989.591</b> | <b>5.968.608.302</b> |



**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                             | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                             | VND                 | VND                 | VND                   | VND                      | VND                  | VND                  |
| Thuế Giá trị gia tăng       | -                   | 214.786.501         | 242.303.793           | 457.090.294              | -                    | -                    |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu   | -                   | -                   | 36.625.461            | 36.625.461               | -                    | -                    |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp  | 22.565.631          | -                   | -                     | -                        | 22.565.631           | -                    |
| Thuế Thu nhập cá nhân       | -                   | 127.643.626         | 399.073.306           | 498.660.678              | 2.653.448            | 30.709.702           |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất | -                   | -                   | 3.542.244.390         | 3.542.244.390            | -                    | -                    |
| Các loại thuế khác          | -                   | -                   | 3.000.000             | 3.000.000                | -                    | -                    |
|                             | <b>22.565.631</b>   | <b>342.430.127</b>  | <b>4.223.246.950</b>  | <b>4.537.620.823</b>     | <b>25.219.079</b>    | <b>30.709.702</b>    |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                                                                           | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                           | VND                    | VND                    |
| - Chi phí lãi vay (*)                                                                     | 973.088.152.341        | 822.635.077.652        |
| - Cảng phí nước ngoài                                                                     | 62.008.201             | 744.403.961            |
| - Tiền ăn của thuyền viên                                                                 | 3.930.397.740          | 2.829.128.030          |
| - Chi phí phải trả tại Trung tâm Đào tạo Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam (SCC) | -                      | 632.333.440            |
| - Phải trả thuyền viên                                                                    | 3.071.986.528          | -                      |
| - Chi phí bảo hiểm                                                                        | 3.728.014.033          | -                      |
| - Chi phí khác                                                                            | 1.577.074.887          | 2.929.443.852          |
|                                                                                           | <b>985.457.633.730</b> | <b>829.770.386.935</b> |

(\*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 31/12/2020 và 01/01/2020 lần lượt là 37.065.815.183 đồng và 33.764.825.299 đồng.

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                                                                                | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                                | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                                                             |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết                                                                  | -                     | 10.361.508            |
| - Kinh phí công đoàn                                                                           | 5.557.566.103         | 5.967.109.563         |
| - Bảo hiểm xã hội                                                                              | 370.223.662           | 4.306.428.091         |
| - Bảo hiểm y tế                                                                                | 9.386.428             | 168.196.317           |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                                                                         | 9.571.067             | 62.049.951            |
| - Công ty TNHH Trung Thủy Landcaster                                                           | 19.194.765.730        | 19.195.031.971        |
| - Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%                                              | 2.000.000.000         | 2.000.000.000         |
| - Khoản lãi chậm trả Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) | 1.048.676.014         | 1.048.676.014         |
| - Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                                                 | 2.674.943.332         | -                     |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                                                            | 2.995.349.657         | 4.464.472.790         |
|                                                                                                | <b>33.860.481.993</b> | <b>37.222.326.205</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                                                                              |                       |                       |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                                                                 | -                     | 231.730.000           |
| - Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix                                          | 8.404.589.178         | 8.404.589.178         |
|                                                                                                | <b>8.404.589.178</b>  | <b>8.636.319.178</b>  |
| <b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>                                         | <b>3.723.619.346</b>  | <b>1.048.676.014</b>  |

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19 . VAY**

|                                                                             | 01/01/2020      |                       | Trong năm      |               | 31/12/2020      |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------------|
|                                                                             | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ | Tăng           | Giảm          | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |
|                                                                             | VND             | VND                   | VND            | VND           | VND             | VND                   |
| <b>a) Vay ngắn hạn</b>                                                      |                 |                       |                |               |                 |                       |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                                         |                 |                       |                |               |                 |                       |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(1)</sup>        | 202.639.334.785 | 202.639.334.785       | -              | 3.585.266.113 | 199.054.068.672 | 199.054.068.672       |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở <sup>(2)</sup>               | 88.304.263.820  | 88.304.263.820        | -              | 1.277.309.883 | 87.026.953.937  | 87.026.953.937        |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(3)</sup>                                      | 7.823.991.523   | 7.823.991.523         | -              | 1.736.857.110 | 6.087.134.413   | 6.087.134.413         |
| <b>Vay dài hạn đã quá hạn</b>                                               |                 |                       |                |               |                 |                       |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(1)</sup>        | 106.511.079.442 | 106.511.079.442       | -              | 571.099.120   | 105.939.980.322 | 105.939.980.322       |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(3)</sup>                                      | 736.110.453.936 | 736.110.453.936       | 60.854.221.617 | 3.928.307.564 | 793.036.367.989 | 793.036.367.989       |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II <sup>(4)</sup>            | 22.556.000.000  | 22.556.000.000        | 4.343.375.000  | -             | 26.899.375.000  | 26.899.375.000        |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc <sup>(5)</sup> | 328.354.481.659 | 328.354.481.659       | 1.575.617      | 2.526.948.369 | 325.829.108.907 | 325.829.108.907       |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(6)</sup>           | 4.000.000.000   | 4.000.000.000         | 4.676.000.000  | 5.000.000     | 8.671.000.000   | 8.671.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(6)</sup>                 | 235.017.600.000 | 235.017.600.000       | 23.400.000.000 | 385.000.000   | 258.032.600.000 | 258.032.600.000       |
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(6)</sup>                 | 146.182.372.277 | 146.182.372.277       | 28.433.271.000 | 1.011.359.195 | 173.604.284.082 | 173.604.284.082       |

**19 . VAY (tiếp)**

|                                                                             | 01/01/2020               |                          | Trong năm              |                       | 31/12/2020               |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                             | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    | Tăng                   | Giảm                  | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    |
| <b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>                                        | <b>95.420.783.000</b>    | <b>95.420.783.000</b>    | <b>56.674.046.000</b>  | <b>74.969.900.344</b> | <b>77.124.928.656</b>    | <b>77.124.928.656</b>    |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(1)</sup>        | 4.343.375.000            | 4.343.375.000            | -                      | 4.343.375.000         | -                        | -                        |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(3)</sup>                                      | 1.390.380.000            | 1.390.380.000            | 468.775.000            | 471.471.042           | 1.387.683.958            | 1.387.683.958            |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II <sup>(4)</sup>            | 4.676.000.000            | 4.676.000.000            | -                      | 4.676.000.000         | -                        | -                        |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc <sup>(5)</sup> | 35.100.000.000           | 35.100.000.000           | 15.772.000.000         | 24.983.000.000        | 25.889.000.000           | 25.889.000.000           |
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(6)</sup>                 | 37.911.028.000           | 37.911.028.000           | 28.433.271.000         | 28.496.054.302        | 37.848.244.698           | 37.848.244.698           |
| - Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(7)</sup>    | 12.000.000.000           | 12.000.000.000           | 12.000.000.000         | 12.000.000.000        | 12.000.000.000           | 12.000.000.000           |
|                                                                             | <b>1.034.170.571.721</b> | <b>1.034.170.571.721</b> | <b>117.528.267.617</b> | <b>82.483.474.021</b> | <b>1.069.215.365.317</b> | <b>1.069.215.365.317</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19 . VAY (tiếp)**

|                                                                              | 01/01/2020               |                          | Trong năm         |                       | 31/12/2020               |                          |
|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                              | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    | Tăng              | Giảm                  | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    |
| <b>b) Vay dài hạn</b>                                                        |                          |                          |                   |                       |                          |                          |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(1)</sup>         | 26.899.375.000           | 26.899.375.000           | -                 | -                     | 26.899.375.000           | 26.899.375.000           |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(3)</sup>                                       | 336.433.423.545          | 336.433.423.545          | -                 | 3.015.708.110         | 333.417.715.435          | 333.417.715.435          |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II <sup>(4)</sup>             | 8.676.000.000            | 8.676.000.000            | -                 | 5.000.000             | 8.671.000.000            | 8.671.000.000            |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc <sup>(5)</sup>  | 284.306.600.000          | 284.306.600.000          | -                 | 385.000.000           | 283.921.600.000          | 283.921.600.000          |
| - Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(6)</sup>                  | 278.717.237.463          | 278.717.237.463          | -                 | 1.388.050.725         | 277.329.186.738          | 277.329.186.738          |
| - Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM <sup>(7) (*)</sup> | 166.977.169.788          | 166.977.169.788          | -                 | 32.000.000.000        | 134.977.169.788          | 134.977.169.788          |
|                                                                              | <u>1.102.009.805.796</u> | <u>1.102.009.805.796</u> | <u>-</u>          | <u>36.793.758.835</u> | <u>1.065.216.046.961</u> | <u>1.065.216.046.961</u> |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng                                     | (831.531.236.936)        | (831.531.236.936)        | (117.528.267.617) | (78.898.207.908)      | (870.161.296.645)        | (870.161.296.645)        |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng                                            | <u>270.478.568.860</u>   | <u>270.478.568.860</u>   |                   |                       | <u>195.054.750.316</u>   | <u>195.054.750.316</u>   |

(\*) Trong năm 2020, Công ty phát hành 2.000.000 cổ phiếu cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM để hoán đổi một phần giá trị khoản vay phải trả là 20.000.000.000 đồng thành vốn góp của chủ sở hữu ( Chi tiết thông tin xem thêm tại thuyết minh số 21a).



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

| S<br>T<br>T | Ngân hàng                                                      | Thời<br>hạn<br>vay | Số dư<br>31/12/2020<br>(Nguyên tệ) | Số dư quy đổi<br>VND 31/12/2020 | Phân loại      |                             |                           |             | Mục đích vay                                                                                 | Tình hình                                                                                                                                           | Tài sản đảm bảo                                                                                                                                                                                                 |
|-------------|----------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------------|----------------|-----------------------------|---------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                |                    |                                    |                                 | Nợ ngắn hạn    | Nợ đã quá hạn<br>thanh toán | Nợ dài hạn đến<br>hạn trả | Vay dài hạn |                                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>1</b>    | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam<br>- Chi nhánh Tp.HCM         |                    |                                    | 113.926.328.937                 | 87.026.953.937 | 26.899.375.000              | -                         | -           |                                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                 |
|             | Hợp đồng số<br>176/2014-<br>HDTDHM-<br>VTC ngày<br>15/07/2014  | 12<br>tháng        | 3.768.053,08<br>USD                | 87.026.953.937                  | 87.026.953.937 | -                           | -                         | -           | Bổ sung vốn lưu<br>động                                                                      | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>được ngân<br>hàng tái cơ<br>cấu theo lịch<br>trả nợ ngày<br>14/10/2015                                               | Tin chấp                                                                                                                                                                                                        |
|             | Số<br>89/07/HCM<br>ngày<br>02/01/2007                          |                    | 26.899.375.000<br>VND              | 26.899.375.000                  | -              | 26.899.375.000              | -                         | -           | Đầu tư đóng mới<br>tàu chở hàng khô<br>loại 22.500 DWT -<br>chiếc 02/KH2005<br>(VTC Phoenix) | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>được gia hạn<br>tới 29/07/2020                                                                                       | Tàu VTC Phoenix, Số<br>hiệu/Số IMO:<br>3WXR/9536337 theo<br>dự án đầu tư đóng mới<br>tàu chở hàng khô loại<br>22.500 DWT chiếc số<br>02/KH2005                                                                  |
| <b>2</b>    | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh<br>Vượng - Hội sở                |                    |                                    | 6.087.134.413                   | 6.087.134.413  | -                           | -                         | -           |                                                                                              |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                 |
|             | Hợp đồng số<br>529914 VPB<br>Vitarschart<br>ngày<br>26/05/2014 | 12<br>tháng        | 263.557,95<br>USD                  | 6.087.134.413                   | 6.087.134.413  | -                           | -                         | -           | Bổ sung vốn lưu<br>động                                                                      | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>được ngân<br>hàng tái cơ<br>cấu lịch trả nợ<br>theo Công<br>văn số<br>2711/2018/CV<br>-VPB-CIB<br>ngày<br>27/11/2018 | - Là toàn bộ các khoản<br>phải thu đã hình thành<br>và sẽ hình thành của<br>bên Vay<br>- 490.600 cổ phần của<br>bên Vay tại Công ty<br>Cổ phần Cung ứng<br>Dịch vụ Hàng hải và<br>Xuất nhập khẩu<br>Phương Đông |

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

| S<br>T                                                 | Ngân hàng                    | Thời<br>hạn<br>vay | Số dư<br>31/12/2020<br>(Nguyên tệ)              | Số dư quy đổi<br>VNĐ 31/12/2020 | Phân loại              |                             |                           |                      | Mục đích vay                                                                           | Tình hình                                                                        | Tài sản đảm bảo                                                                                        |
|--------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                        |                              |                    |                                                 |                                 | Nợ ngắn hạn            | Nợ đã quá hạn<br>thanh toán | Nợ dài hạn đến<br>hạn trả | Vay dài hạn          |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                        |
| <b>3</b>                                               | <b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b> |                    |                                                 | <b>439.357.695.757</b>          | <b>105.939.980.322</b> | <b>325.829.108.907</b>      | <b>1.387.683.958</b>      | <b>6.200.922.570</b> |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                        |
| Số<br>41222579/SD<br>BS07 ngày<br>28/05/2008           |                              | 96<br>tháng        | 89.270.361.351<br>VNĐ                           | 89.270.361.351                  | -                      | 89.270.361.351              | -                         | -                    | Đầu tư mua tàu<br>chở hàng khô<br>trọng tải 22.176<br>DWT                              | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>Ngân hàng<br>kiện ra toà                          | Tàu chở hàng khô<br>VTC Planet Số hiệu/<br>Số IMO 3WVU-<br>0960730 trọng tải<br>22.176 DWT             |
| Số SGD.DN<br>01220108<br>ngày<br>22/01/2008            |                              | 96<br>tháng        | 10.242.412<br>USD                               | 236.558.747.556                 | -                      | 236.558.747.556             | -                         | -                    | Đầu tư mua tàu<br>chở hàng khô<br>trọng tải 23.581<br>DWT                              | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>Ngân hàng<br>kiện ra toà                          | Tàu chở hàng khô<br>VTC Sun Số hiệu/ số<br>IMO 3WRF-9146895                                            |
| Số SGD.DN<br>01130312/M<br>MLC ngày<br>22/03/2012      |                              | 12<br>tháng        | 1.301.310.68<br>USD và<br>75.884.908.856<br>VNĐ | 105.939.980.322                 | 105.939.980.322        | -                           | -                         | -                    | Bổ sung vốn lưu<br>động                                                                | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>Ngân hàng<br>kiện ra toà                          | Tàu VTC Sun, VTC<br>Planet thuộc sở hữu<br>của Công ty Cổ phần<br>Vận tải và Thuê tàu<br>biển Việt Nam |
| Số<br>01261206/01<br>TDN/SDBS-<br>4 ngày<br>25/05/2013 |                              | 60<br>tháng        | 328.568 USD                                     | 7.588.606.528                   | -                      | -                           | 1.387.683.958             | 6.200.922.570        | Đầu tư đóng mới<br>tàu chở hàng khô<br>trọng tải 22.500<br>DWT, chiếc số<br>03/KH-2004 | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>được Ngân<br>hàng gia hạn<br>tới tháng<br>11/2020 | Tàu chở hàng khô<br>VTC Dragon 22.500<br>DWT - Chiếc số<br>03/KH 2004                                  |

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

| S<br>T<br>T | Ngân hàng                                                | Thời<br>hạn<br>vay | Số dư<br>31/12/2020<br>(Nguyên tệ) | Số dư quy đổi<br>VNĐ 31/12/2020 | Phân loại   |                             |                           |             | Mục đích vay                                                            | Tình hình                                                           | Tài sản đảm bảo                                                                             |
|-------------|----------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------------|-----------------------------|---------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                          |                    |                                    |                                 | Nợ ngắn hạn | Nợ đã quá hạn<br>thanh toán | Nợ dài hạn đến<br>hạn trả | Vay dài hạn |                                                                         |                                                                     |                                                                                             |
| 4           | Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở<br>giao dịch II       |                    |                                    | 8.671.000.000                   | -           | 8.671.000.000               | -                         | -           |                                                                         |                                                                     |                                                                                             |
|             | Số<br>83/2011/HĐT<br>ĐĐTSDBS-<br>NHPT ngày<br>27/12/2011 | 180<br>tháng       | 8.676.000.000<br>VNĐ               | 8.671.000.000                   | -           | 8.671.000.000               | -                         |             | Đầu tư đóng tàu<br>chờ hàng khô<br>6.500 DWT -<br>Chiếc số<br>04/KH2004 | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>được gia hạn<br>tới tháng<br>08/2020 | Tàu Viễn Đông 5 đã<br>bán ngày 03/07/2019 .<br>Hiện tại không còn<br>TSDB                   |
| 5           | Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu<br>vực Đông Bắc      |                    |                                    | 283.921.600.000                 | -           | 258.032.600.000             | 25.889.000.000            | -           |                                                                         |                                                                     |                                                                                             |
|             | Số<br>06/2003/HĐT<br>D-TWTW<br>ngày<br>21/07/2003        | 144<br>tháng       | 32.792.600.000<br>VNĐ              | 32.762.600.000                  | -           | 32.762.600.000              |                           | -           | Đầu tư đóng tàu<br>chờ hàng khô<br>6.500 DWT                            | Được tái cơ<br>cấu lịch trả nợ<br>tới tháng<br>6/2018               | Tài sản hình thành từ<br>vốn vay là Tàu chờ<br>hàng khô 6.500 DWT-<br>Tàu Viễn Đông 3       |
|             | Số<br>05/2005/HĐT<br>D -TDTW<br>ngày<br>28/07/2005       | 144<br>tháng       | 117.532.000.000<br>VNĐ             | 117.532.000.000                 | -           | 117.532.000.000             | -                         |             | Đầu tư đóng tàu<br>chờ hàng khô<br>22.500 DWT                           | Được gia hạn<br>thanh toán tới<br>tháng 8/2020                      | Tài sản hình thành từ<br>vốn vay là Tàu chờ<br>hàng khô 22.500 DWT<br>- Tàu VTC Dragon      |
|             | Số<br>07/2006/HĐT<br>DSD-TDI<br>ngày<br>31/08/2011       | 144<br>tháng       | 133.627.000.000<br>VNĐ             | 133.627.000.000                 | -           | 107.738.000.000             | 25.889.000.000            | -           | Đầu tư đóng tàu<br>chờ hàng khô<br>22.500 DWT                           | Được gia hạn<br>thanh toán tới<br>tháng 11/2021                     | Tài sản được hình<br>thành từ vốn vay là<br>Tàu chờ hàng khô<br>22.500 DWT - VTC<br>Phoenix |



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

| S<br>T | Ngân hàng                                                            | Thời<br>hạn<br>vay | Số dư<br>31/12/2020<br>(Nguyên tệ) | Số dư quy đổi<br>VNĐ 31/12/2020 | Phân loại       |                             |                           |                 | Mục đích vay                                                                             | Tình hình                                                  | Tài sản đảm bảo                                                                                                  |
|--------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                                                                      |                    |                                    |                                 | Nợ ngắn hạn     | Nợ đã quá hạn<br>thanh toán | Nợ dài hạn đến<br>hạn trả | Vay dài hạn     |                                                                                          |                                                            |                                                                                                                  |
| 6      | Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi<br>nhánh Tp.HCM                        |                    |                                    | 277.329.186.738                 | -               | 173.604.284.082             | 37.848.244.698            | 65.876.657.958  |                                                                                          |                                                            |                                                                                                                  |
|        | Số<br>1007968.A.10<br>.HDTD.HCM<br>ngày<br>01/06/2010                | 96<br>tháng        | 12.027.671,75<br>USD               | 277.329.186.738                 | -               | 173.604.284.082             | 37.848.244.698            | 65.876.657.958  | Đầu tư mua tàu<br>VTC Glory tại<br>trọng 23.620 DWT                                      | Đã quá hạn<br>thanh toán và<br>giã hạn tới<br>tháng 6/2020 | Tài sản được hình<br>thành từ vốn vay là tàu<br>VTC Glory tải trọng<br>23.620 DWT                                |
| 7      | Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam -<br>Chi nhánh Tp.HCM               |                    |                                    | 134.977.169.788                 | -               | -                           | 12.000.000.000            | 122.977.169.788 |                                                                                          |                                                            |                                                                                                                  |
|        | Biên bản thỏa<br>thuận ngày<br>11/03/2019<br>giữa DATC<br>và Công ty | 36<br>tháng        | 134.977.169.788<br>VNĐ             | 134.977.169.788                 | -               | -                           | 12.000.000.000            | 122.977.169.788 | Mua lại khoản vay<br>của Vitranschart<br>tại Ngân hàng<br>TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam. | Chưa quá hạn<br>thanh toán                                 | Tài sản đảm bảo là con<br>tàu chở hàng khô VTC<br>Ocean trọng tải 23.000<br>DWT đóng năm 1999<br>tại Philippines |
|        | <b>Tổng cộng</b>                                                     |                    |                                    | 1.264.270.115.633               | 199.054.068.672 | 793.036.367.989             | 77.124.928.656            | 195.054.750.316 |                                                                                          |                                                            |                                                                                                                  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối   | Cộng                       |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|
|                             | VND                       | VND                  | VND                           | VND                   | VND                        | VND                        |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>  | <b>609.993.370.000</b>    | <b>88.258.000</b>    | <b>4.840.727.077</b>          | <b>9.662.314.492</b>  | <b>(1.780.285.817.722)</b> | <b>(1.155.701.148.153)</b> |
| Lỗ trong năm trước          | -                         | -                    | -                             | -                     | (271.944.122.581)          | (271.944.122.581)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>609.993.370.000</b>    | <b>88.258.000</b>    | <b>4.840.727.077</b>          | <b>9.662.314.492</b>  | <b>(2.052.229.940.303)</b> | <b>(1.427.645.270.734)</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>    | <b>609.993.370.000</b>    | <b>88.258.000</b>    | <b>4.840.727.077</b>          | <b>9.662.314.492</b>  | <b>(2.052.229.940.303)</b> | <b>(1.427.645.270.734)</b> |
| Tăng vốn trong năm nay (*)  | 20.000.000.000            | -                    | -                             | -                     | -                          | 20.000.000.000             |
| Lỗ trong năm nay            | -                         | -                    | -                             | -                     | (309.132.606.669)          | (309.132.606.669)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>629.993.370.000</b>    | <b>88.258.000</b>    | <b>4.840.727.077</b>          | <b>9.662.314.492</b>  | <b>(2.361.362.546.972)</b> | <b>(1.716.777.877.403)</b> |

(\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/NQ - HĐQT ngày 07/01/2021 và công văn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 7651/UBCK - QLCK ngày 30/12/2020 về việc nhận tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoàn tất việc tăng vốn thông qua hoán đổi nợ vào ngày 30/12/2020.

Thông tin chi tiết về giao dịch tăng vốn như sau :

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 2.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Hình thức phát hành : Thông qua hoán đổi một phần giá trị khoản Vay với Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM;
- Đối tượng được phân phối: Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM;
- Ngày phát hành hoàn thành : Ngày 30/12/2020.

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                                             | Tỷ lệ<br>(%) | Cuối năm<br>VND        | Tỷ lệ<br>(%) | Đầu năm<br>VND         |
|-------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam                              | 47,44%       | 298.880.000.000        | 48,99%       | 298.880.000.000        |
| Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam                            | 6,35%        | 40.000.000.000         | 3,28%        | 20.000.000.000         |
| Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam | 8,99%        | 56.656.000.000         | 9,29%        | 56.656.000.000         |
| Các cổ đông khác                                            | 37,22%       | 234.457.370.000        | 38,44%       | 234.457.370.000        |
|                                                             | <b>100%</b>  | <b>629.993.370.000</b> | <b>100%</b>  | <b>609.993.370.000</b> |

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | Năm 2020<br>VND        | Năm 2019<br>VND        |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 629.993.370.000        | 609.993.370.000        |
| - Vốn góp đầu năm         | 609.993.370.000        | 609.993.370.000        |
| - Vốn góp tăng trong năm  | 20.000.000.000         | -                      |
| - Vốn góp cuối năm        | <b>629.993.370.000</b> | <b>609.993.370.000</b> |

## d) Cổ phiếu

|                                                  | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 62.999.337 | 60.999.337 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 62.999.337 | 60.999.337 |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 62.999.337 | 60.999.337 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 62.999.337 | 60.999.337 |
| - Cổ phiếu phổ thông                             | 62.999.337 | 60.999.337 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)            | 10.000     | 10.000     |

## e) Các quỹ công ty

|                               | 31/12/2020<br>VND     | 01/01/2020<br>VND     |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển         | 9.662.314.492         | 9.662.314.492         |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 4.840.727.077         | 4.840.727.077         |
|                               | <b>14.503.041.569</b> | <b>14.503.041.569</b> |

## 21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm văn phòng trụ sở làm việc. Diện tích khu đất thuê là lần lượt là 1.053,8 m<sup>2</sup>; 2.165,8 m<sup>2</sup> và 431 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## b) Ngoại tệ các loại

|                       | 31/12/2020 | 01/01/2020   |
|-----------------------|------------|--------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 128.318,88 | 1.377.040,60 |
| - Đồng Euro (EUR)     | 0,70       | 1,04         |

## c) Nợ khó đòi đã xử lý

|                                        | 31/12/2020  | 01/01/2020 |
|----------------------------------------|-------------|------------|
|                                        | VND         | VND        |
| - Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Thu Bồn | 178.526.524 | -          |
| - Alize Commodities - Paris            | 713.944.000 | -          |

## 22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                            | Năm 2020               | Năm 2019               |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
|                            | VND                    | VND                    |
| Doanh thu bán hàng         | -                      | 17.371.061.929         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 222.711.280.419        | 462.415.512.826        |
|                            | <b>222.711.280.419</b> | <b>479.786.574.755</b> |

## 23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

|                   | Năm 2020             | Năm 2019             |
|-------------------|----------------------|----------------------|
|                   | VND                  | VND                  |
| Giảm giá hàng bán | 5.700.508.321        | 8.169.614.327        |
|                   | <b>5.700.508.321</b> | <b>8.169.614.327</b> |

## 24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                                 | Năm 2020               | Năm 2019               |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | VND                    | VND                    |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | -                      | 16.762.897.821         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 354.066.154.675        | 490.834.226.700        |
|                                 | <b>354.066.154.675</b> | <b>507.597.124.521</b> |

## 25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                                                                                                     | Năm 2020              | Năm 2019             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                                                                     | VND                   | VND                  |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay                                                                                           | 459.757.244           | 313.706.208          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                                                         | 7.771.606.267         | -                    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                                                                           | 376.933.196           | 457.041.866          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm                                                                | 2.792.700.114         | 3.511.690.257        |
|                                                                                                                     | <b>11.400.996.821</b> | <b>4.282.438.331</b> |
| Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan<br>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37) | <b>7.771.606.267</b>  | -                    |

## 26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                                             | Năm 2020              | Năm 2019              |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                             | VND                   | VND                   |
| Lãi tiền vay                                                | 58.439.705.503        | 71.909.624.129        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm                    | 1.675.330.887         | 5.935.137.711         |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 613.304.174           | 713.634.328           |
| Chi phí tài chính khác                                      | 86.921.250            | -                     |
|                                                             | <b>60.815.261.814</b> | <b>78.558.396.168</b> |



## 27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

|                           | Năm 2020             | Năm 2019             |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
|                           | VND                  | VND                  |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 2.369.737.876        | 3.241.188.970        |
|                           | <b>2.369.737.876</b> | <b>3.241.188.970</b> |

## 28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                      | Năm 2020              | Năm 2019              |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu        | 463.706.730           | 631.199.002           |
| Chi phí nhân công                    | 11.381.960.729        | 20.415.483.786        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định     | 527.738.065           | 523.912.297           |
| Thuế, phí, lệ phí                    | 2.442.666.202         | 2.649.984.044         |
| Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng | 1.513.515.211         | (1.368.037.609)       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 1.863.208.323         | 3.497.984.990         |
| Chi phí khác bằng tiền               | 1.987.318.164         | 4.229.529.483         |
|                                      | <b>20.180.113.424</b> | <b>30.580.055.993</b> |

## 29 . THU NHẬP KHÁC

|                                                  | Năm 2020           | Năm 2019             |
|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                                  | VND                | VND                  |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | -                  | 229.909.091          |
| Các khoản bồi thường khắc phục sự cố tàu         | 885.876.155        | 1.521.977.016        |
|                                                  | <b>885.876.155</b> | <b>1.751.886.107</b> |

## 30 . CHI PHÍ KHÁC

|                                                                    | Năm 2020               | Năm 2019               |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                    | VND                    | VND                    |
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | -                      | 433.033.910            |
| Chi phí thanh lý TSCĐ                                              | -                      | 8.687.848.427          |
| Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn                  | 92.013.369.186         | 91.787.642.866         |
| Chi phí tàu Ocean dừng hoạt động                                   | -                      | 23.696.015.386         |
| Chi phí khác                                                       | 8.985.614.768          | 5.014.101.206          |
|                                                                    | <b>100.998.983.954</b> | <b>129.618.641.795</b> |

## 31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|                                              | Năm 2020            | Năm 2019            |
|----------------------------------------------|---------------------|---------------------|
|                                              | VND                 | VND                 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | (309.132.606.669)   | (271.944.122.581)   |
| Các khoản điều chỉnh tăng                    | 133.371.230.138     | 172.377.092.602     |
| - Chi phí không hợp lệ                       | 133.164.383.497     | 172.338.562.394     |
| - Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm          | 206.846.641         | 38.530.208          |
| Thu nhập chịu thuế TNDN                      | (175.761.376.531)   | (99.567.029.979)    |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | -                   | -                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm  | (22.565.631)        | (22.565.631)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm  | -                   | -                   |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm                  | <b>(22.565.631)</b> | <b>(22.565.631)</b> |



**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm 2020               | Năm 2019               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 64.391.629.228         | 44.758.296.878         |
| Chi phí nhân công                | 69.583.489.544         | 241.753.273.530        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 145.037.516.163        | 147.441.342.697        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 14.240.928.727         | 16.271.848.500         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 83.362.442.313         | 98.226.701.883         |
|                                  | <b>376.616.005.975</b> | <b>548.451.463.488</b> |

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                                    |                       | Giá trị sổ kế toán      |                        |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
|                                    |                       | 31/12/2020              | 01/01/2020             |
|                                    |                       | Giá gốc                 | Dự phòng               |
|                                    |                       | VND                     | VND                    |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                       |                         |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.547.386.231         | -                       | 19.624.926.092         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 56.757.863.090        | (11.919.621.804)        | 86.016.840.434         |
|                                    | <b>60.305.249.321</b> | <b>(11.919.621.804)</b> | <b>105.641.766.526</b> |

|                                   |  | Giá trị sổ kế toán       |                          |
|-----------------------------------|--|--------------------------|--------------------------|
|                                   |  | 31/12/2020               | 01/01/2020               |
|                                   |  | VND                      | VND                      |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |  |                          |                          |
| Vay và nợ                         |  | 1.264.270.115.633        | 1.304.649.140.581        |
| Phải trả người bán, phải trả khác |  | 116.531.928.719          | 101.340.916.982          |
| Chi phí phải trả                  |  | 985.457.633.730          | 829.770.386.935          |
|                                   |  | <b>2.366.259.678.082</b> | <b>2.235.760.444.498</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND           |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2020</b>         |                              |                                |                   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.547.386.231                | -                              | -                 | 3.547.386.231         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 24.531.975.556               | 20.306.265.730                 | -                 | 44.838.241.286        |
|                                    | <b>28.079.361.787</b>        | <b>20.306.265.730</b>          | <b>-</b>          | <b>48.385.627.517</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2020</b>         |                              |                                |                   |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.624.926.092               | -                              | -                 | 19.624.926.092        |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 54.438.731.346               | 20.279.531.971                 | -                 | 74.718.263.317        |
|                                    | <b>74.063.657.438</b>        | <b>20.279.531.971</b>          | <b>-</b>          | <b>94.343.189.409</b> |

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                         | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND              |
|-----------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2020</b>              |                              |                                |                   |                          |
| Vay và nợ                               | 1.069.215.365.317            | 195.054.750.316                | -                 | 1.264.270.115.633        |
| Phải trả người<br>bán, phải trả<br>khác | 108.127.339.541              | 8.404.589.178                  | -                 | 116.531.928.719          |
| Chi phí phải trả                        | 985.457.633.730              | -                              | -                 | 985.457.633.730          |
|                                         | <b>2.162.800.338.588</b>     | <b>203.459.339.494</b>         | <b>-</b>          | <b>2.366.259.678.082</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2020</b>              |                              |                                |                   |                          |
| Vay và nợ                               | 1.034.170.571.721            | 270.478.568.860                | -                 | 1.304.649.140.581        |
| Phải trả người<br>bán, phải trả<br>khác | 92.704.597.804               | 8.636.319.178                  | -                 | 101.340.916.982          |
| Chi phí phải trả                        | 829.770.386.935              | -                              | -                 | 829.770.386.935          |
|                                         | <b>1.956.645.556.460</b>     | <b>279.114.888.038</b>         | <b>-</b>          | <b>2.235.760.444.498</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 34. THÔNG TIN KHÁC

Công ty vi phạm thời hạn thanh toán hợp đồng vay, các ngân hàng đã kiện Công ty ra tòa, đồng thời 2 bên vẫn đang tiếp tục đàm phán để tìm kiếm giải pháp tối ưu. Vì vậy tiềm ẩn các rủi ro tiềm tàng như sau:

- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội liên quan hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01TĐN ngày 02/01/2007 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TĐN/SĐBS-4 ngày 25/5/2013. Ngày 12/12/2018, tòa án nhân dân Quận 4 có quyết định số 10/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 15/07/2020, Tòa án đã hủy bản án sơ thẩm do bên Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội chưa tập hợp đủ hồ sơ khởi kiện để tòa án có thể thụ lý và tiến hành các thủ tục tố tụng. Vụ kiện này được tạm hoãn để bên ngân hàng tiếp tục bổ sung hồ sơ.

- Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Tp. Hồ Chí Minh liên quan Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số SGD.DN.01220108 ngày 22 tháng 01 năm 2008, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số SGD.DN.01130312/MMLC ngày 22 tháng 03 năm 2012, Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 41222579/SĐBS07 ngày 28 tháng 05 năm 2008: Đã có bản án sơ thẩm ngày 25/9/2018 của Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, trong đó Tòa án quyết định Công ty phải thanh toán ngay toàn bộ gốc vay và lãi chậm trả. Công ty chưa đồng ý với phán quyết của tòa sơ thẩm nên ngày 25/12/2018 đã nộp đơn xin phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh và đã có phán quyết của tòa phúc thẩm. Kể từ tháng 10/2020, Công ty tiếp tục thực hiện thanh toán tiền vay cho bên Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cấp tín dụng doanh nghiệp số 1007968.A.10. HDTĐ.HCM ngày 01 tháng 06 năm 2010 mà Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đồng tài trợ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đại diện, Ngân hàng Indovina đã khởi kiện Công ty ra tòa án nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2018, Tòa án Nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh có Quyết định 09/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Hiện tại vụ án vẫn chưa được xét xử. Hàng tháng, Công ty có trả nợ gốc thiện chí cho ngân hàng.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

|                                          | <b>Hoạt động vận<br/>tải biển</b> | <b>Hoạt động kinh<br/>doanh khác</b> | <b>Tổng cộng toàn<br/>doanh nghiệp</b> |
|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|
|                                          | VND                               | VND                                  | VND                                    |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 217.010.772.098                   | -                                    | 217.010.772.098                        |
| Chi phí bộ phận trực tiếp                | 354.066.154.675                   | -                                    | 354.066.154.675                        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>(137.055.382.577)</b>          | <b>-</b>                             | <b>(137.055.382.577)</b>               |
| Tổng chi phí mua TSCĐ                    | 355.005.700                       | -                                    | 355.005.700                            |
| Tài sản bộ phận trực tiếp                | 695.981.388.721                   | -                                    | 695.981.388.721                        |
| <b>Tổng tài sản</b>                      | <b>695.981.388.721</b>            | <b>-</b>                             | <b>695.981.388.721</b>                 |
| Nợ phải trả bộ phận trực tiếp            | 2.412.759.266.124                 | -                                    | 2.412.759.266.124                      |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  | <b>2.412.759.266.124</b>          | <b>-</b>                             | <b>2.412.759.266.124</b>               |

Theo khu vực địa lý

|                                              | <b>Quốc tế</b>  | <b>Trong nước</b> | <b>Tổng cộng toàn<br/>doanh nghiệp</b> |
|----------------------------------------------|-----------------|-------------------|----------------------------------------|
|                                              | VND             | VND               | VND                                    |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 203.617.519.371 | 13.393.252.727    | 217.010.772.098                        |
| Tài sản bộ phận                              |                 |                   | 695.981.388.721                        |
| Tổng chi phí mua TSCĐ                        |                 |                   | 355.005.700                            |

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

|                                                              | <b>Mối quan hệ</b> | <b>Năm 2020</b>      | <b>Năm 2019</b>    |
|--------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
|                                                              |                    | VND                  | VND                |
| <b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>                                  |                    | <b>9.880.738.449</b> | <b>678.815.491</b> |
| Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông | Công ty liên kết   | 492.759.117          | 678.815.491        |
| Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                 | Công ty con        | 9.387.979.332        | -                  |
| <b>Lợi nhuận được phân phối</b>                              |                    | <b>7.771.606.267</b> | <b>-</b>           |
| Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                 | Công ty con        | 7.771.606.267        | -                  |



Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

|                                                              | Mối quan hệ      | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|--------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                              |                  | VND                   | VND                   |
| <b>Phải thu khác</b>                                         |                  | <b>15.203.013.828</b> | <b>30.824.605.218</b> |
| Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                 | Công ty con      | 15.203.013.828        | 30.824.605.218        |
| <b>Phải trả người bán</b>                                    |                  | <b>4.440.256.438</b>  | <b>2.041.026.828</b>  |
| Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                 | Công ty con      | 2.318.623.776         | -                     |
| Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông | Công ty liên kết | 2.121.632.662         | 2.041.026.828         |
| <b>Phải trả khác</b>                                         |                  | <b>3.723.619.346</b>  | <b>1.048.676.014</b>  |
| Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông | Công ty liên kết | 1.048.676.014         | 1.048.676.014         |
| Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)                 | Công ty con      | 2.674.943.332         | -                     |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                           | Năm 2020      | Năm 2019      |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
|                                                                           | VND           | VND           |
| Thu nhập của Tổng Giám đốc                                                | 465.496.080   | 581.691.262   |
| Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 1.362.833.050 | 1.592.402.018 |

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Lê Kim Phượng**  
Kế toán trưởng



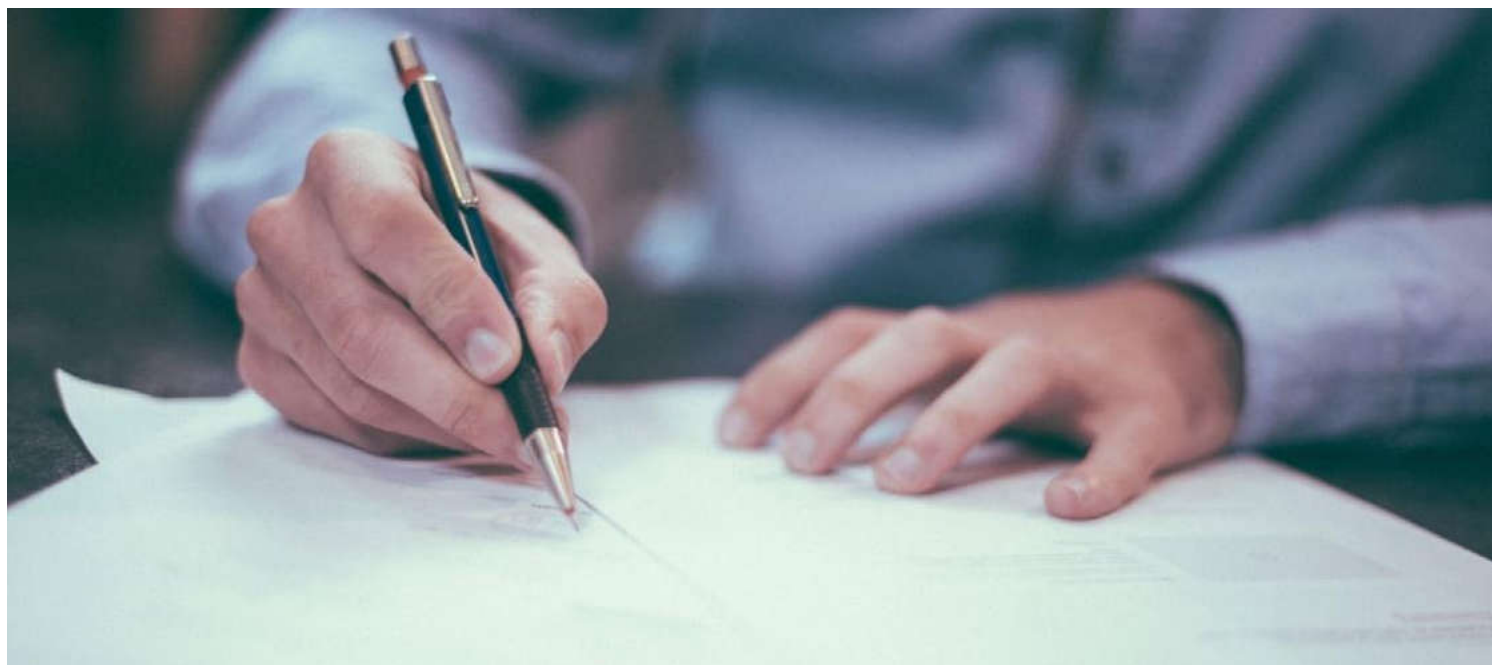
**Mai Thị Thu Vân**  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




**Trịnh Hữu Lương**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Hữu Lương